

S GIAO DỊCH CH NG KHOẢN HÀ N I C P NG KÝ NIÊM Y T CH NG KHOẢN CH CÓ NGH A
LÀ VI C NIÊM Y T CH NG KHOẢN Ắ TH CHI N THEO CÁC QUY NH C A PHÁP LU T LIÊN
QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý M B O GIÁ TR C A CH NG KHOẢN. M I TUYÊN B TRÁI V I
I U NÀY LÀ B TH P PHÁP.

B N CÁO B CH

CÔNG TY C PH N C NG À N NG

(Gi y ch ng nh n KKD s 0400101972 do S K ho ch và u t Thành ph à
N ng c p ng ký l n u ngày 01 tháng 4 n m 2008 và c p ng ký thay i l n 4
ngày 17 tháng 3 n m 2015)

NIÊM Y T C PHI U TRÊN S GIAO D CH CH NG KHOẢN HÀ N I

(Quy t nh ng ký niêm y t s : í / Q -SGDHN
Do S Giao d ch Ch ng khoán Hà N i c p ngày í tháng. . . n m í)

B N CÁO B CH NÀY VÀ TÀI LI U B SUNG S C CUNG C P T I

1 - Công ty c ph n C ng à N ng

Địa chỉ : 26 Bạch Đằng, P. Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : ++84 0511 3822513
Fax : ++84 0511 3822565
Website : www.danangport.com

2 - Công ty TNHH Ch ng khoán Ngân hàng TMCP Ngo i th ng Vi t Nam

Trụ sở : Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội
Điện thoại : ++84.04 3 9360261 Fax: ++84.04-3 9360262
Website : www.vCBS.com.vn
Chi nhánh : Tầng 12 - 135 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : ++84 0511 3 888991 Fax: ++84 0511 3 888881
Chi nhánh : 70 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3 TP Hồ Chí Minh
Số điện thoại : ++84 08 38 208 116 Fax: ++84 08 38 208 116

PH TRÁCH CÔNG B THÔNG TIN

Họ tên : Ông Nguyễn Ngọc Tâm
Chức vụ : Trưởng phòng tài chính kế toán
Điện thoại : ++84 0511 3863458/0905273749 Fax: ++84 0511 3822565

CÔNG TY C PH N C NG À N NG

(Gi y ch ng nh n KKD s 0400101972 do S K ho ch và u t Thành
ph à N ng c p ngày 01 tháng 04 n m 2008 và C p ng ký thay ì l n 4
ngày 17 tháng 3 n m 2015)

Địa chỉ : 26 Bạch Đằng, P. Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt
Nam
Điện thoại : ++84 0511 3822513 Fax : ++84 0511 3822565
Website : www.danangport.com

**NIÊM Y T C PHI U TRÊN S GIAO D CH
CH NG KHOÁN HÀ N I**

Tên c phi u : C phi u Công ty c ph n C ng à N ng
Lo i c phi u : C phi u ph thông
Mã c phi u : CDN
M nh giá : 10.000 VN / 1 c phi u
T ng s l ng niêm y t : 66.000.000 c phi u
T ng giá tr niêm y t : 660.000.000.000 ng

T CH C KI M TOÁN:

**CÔNG TY TNHH KPMG (Ki m toán Báo cáo tài chính n m 2015 và soát xét Báo
cáo tài chính 06 tháng u n m 2016)**

Tr s chính: Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm
Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: ++84 04-39461600 Fax: ++84 04-39461601

Website : www.kpmg.com

T CH C T V N:

CÔNG TY TNHH CH NG KHOÁN NH TMCP NGO I TH NG VI T NAM

Tr s chính: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Số điện thoại: ++84 04 3 9360261 Fax: ++84 04 3 9360262

Chi nhánh: Tầng 12, Số 135 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: ++84 0511 3 888991 Fax: ++84 0511 3888881

M C L C

I. CÁC NHẬT R IRO NH H NG NGIÁ C C PHI UNIÊM Y T.....	7
1 R i ro v kinh t	7
2 R i ro pháp lu t.....	9
3 R i ro c thù.....	10
4 R i ro khác.....	11
II. NH NG NG I CH U TRÁCH NHI M CHÍNH I V I N I DUNG B N CÁO B CH	11
1. T ch c niêm y t.....	11
2 T ch c t v n.....	11
III. CÁC KHÁI NI M, CÁC T VI T T T.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ C I M C AT CH C NIÊM Y T	13
1 Tóm t t quá trình hình thành và phát tri n	13
2 C c u t ch c và c c u b máy qu n lý c a Công ty	17
3 Danh sách c ông n m gi t 5% tr lên v n c ph n c a công ty.....	22
4 Danh sách c ông sáng l p và t l n m gi ; c c u c ông.....	23
5 Danh sách công ty m , công ty con, nh ng công ty mà Công ty c ph n C ng à N ng ang n m gi quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i, nh ng công ty ang n m quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i i v i Công ty c ph n C ng à N ng.....	24
6 Ho t ng kinh doanh	25
7 Báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh trong 02 n m g n nh t và l y k n quý g n nh t.....	42
8 V th c a Công ty so v i các Doanh nghi p khác trong cùng ngành.....	45
9 Chính sách i v i ng i lao ng.....	49
10 Chính sách c t c.....	50
11 Tình hình ho t ng tài chính	50
12 H i ng qu n tr , Ban giám c, Ban ki m soát và K toán tr ng.....	61
13 Tài s n.....	75
14 K ho ch s n xu t kinh doanh, l i nhu n và c t c n m 2016.....	77
15 ánh giá c a t ch c t v n v k ho ch l i nhu n và c t c.....	83
16 Thông tin v nh ng cam k t ch a th c hi n c a Công ty.....	84

17 Các thông tin, các tranh chấp liên quan đến công ty mà có thể ảnh hưởng giá cổ phiếu niêm yết.....	84
V C PHI U NIÊM Y T.....	84
1 Loại cổ phiếu.....	84
2 Mệnh giá.....	84
3 Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	85
4 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.....	85
5. Phương pháp tính giá	86
6. Giá trị vốn tài sản ròng tính trong báo cáo tài chính.....	88
7. Các lợi ích có liên quan.....	89
VI. CÁC ĐIỀU KIỆN LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM Y T.....	91
1 Tổ chức vận hành.....	91
2 Tổ chức kế toán.....	91
VII. PH L C.....	92
VIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐIỀU KIỆN NIÊM Y T, TỔ CHỨC VẬN HÀNH.....	93

DANH SÁCH B NG BI U

Bảng 1 : Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% VDL trở lên tại ngày 07/09/2016	22
Bảng 2 : Cơ cấu cổ đông tại ngày	23
Bảng 3 : Cơ cấu doanh thu thuần (BCTC công ty mẹ)	28
Bảng 4 : Cơ cấu doanh thu thuần (BCTC hợp nhất sau cổ phần hóa).....	29
Bảng 5 : Cơ cấu lợi nhuận gộp (BCTC công ty mẹ).....	29
Bảng 6 : Cơ cấu lợi nhuận (BCTC hợp nhất).....	30
Bảng 7 : Chi phí sản xuất (BCTC công ty mẹ).....	31
Bảng 8 : Chi phí sản xuất (BCTC hợp nhất sau cổ phần hóa).....	32
Bảng 9 : Phương tiện thiết bị chính phục vụ cho hoạt động kinh doanh.....	34
Bảng 10 : Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	40
Bảng 11 : Kết quả hoạt động kinh doanh	42
Bảng 12 : Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)	43
Bảng 13 : Bảng so sánh tình hình hoạt động kinh doanh các Cảng khu vực miền Trung	48
Bảng 14 : Tình hình lao động của Công ty tại ngày 30/06/2016.....	49
Bảng 15 : Các khoản phải nộp theo luật định.....	51
Bảng 16 : Số dư các quỹ (theo BCTC hợp nhất).....	51
Bảng 17 : Các khoản dư nợ vay (BCTC công ty mẹ và hợp nhất).....	52
Bảng 18 : Các khoản phải thu.....	53
Bảng 19 : Hàng tồn kho	55
Bảng 20 : Các khoản phải trả.....	55
Bảng 21 : Các khoản đầu tư tài chính	57
Bảng 22 : Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	59
Bảng 23: Tình hình tài sản cố định hữu hình	75
Bảng 24 : Một số tài sản chính có giá trị lớn	76
Bảng 25 : Tài sản cố định vô hình	76
Bảng 26 : Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77
Bảng 27 : Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	73

DANH M C HÌNH

Hình 1 : Vị trí địa lý Cảng Đà Nẵng.....	16
Hình 2 : Trụ sở công ty.....	17
Hình 3 : Cảng Tiên Sa.....	17
Hình 4 : Các hình ảnh thể hiện hoạt động kinh doanh của Cảng Đà Nẵng.....	27
Hình 5 : Cầu bến tại khu vực Cảng Tiên Sa.....	32
Hình 6 : Đê chắn sóng tại khu vực Cảng Tiên Sa.....	33
Hình 7 : Kho bãi Cảng Tiên Sa.....	33

Hình 8 : Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng.....	34
Hình 9 : Giấy chứng nhận phù hợp của Cảng biển.....	36
Hình 10 : Các hình ảnh cầu hàng của Cảng Đà Nẵng.....	37
Hình 11 : Sơ đồ Quy hoạch Cảng Tiên Sa giai đoạn II	38
Hình 12 : Các nhóm cảng biển thuộc hệ thống cảng biển Việt Nam	46

DANH M C S

Sơ đồ 1 : Sơ đồ tổ chức, bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.....	18
---	----

DANH M C BI U

Biểu đồ1: Cơ cấu sở hữu cổ đông Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.....	24
---	----

I. CÁC NHÂN T R I RO NH H NG N GIÁ C C PHI U NIÊM Y T

1 R i ro v kinh t

Kinh tế - tài chính thế giới trong 06 tháng đầu năm 2016 đã có nhiều diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (UBGSTCQG), ngân hàng Thế giới (WB) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016. Theo đó, ngày 07/06/2016, WB hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống 2,4% thay cho mức 2,9% đã đưa ra vào tháng 01/2016. Nguyên nhân do các nền kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng chậm, thương mại toàn cầu yếu và dòng vốn luân chuyển đầu tư giảm mạnh.

Trong cuộc họp tháng 06, FED đã quyết định không tăng lãi suất trong bối cảnh: (1) các tín hiệu không thực sự lạc quan từ thị trường lao động; (2) Những khó khăn trong việc đưa lạm phát đạt mốc 2%; và (3) các vấn đề kinh tế thế giới đang có diễn biến không thuận lợi như kinh tế Trung Quốc giảm tốc hay sự kiện “Brexit”.

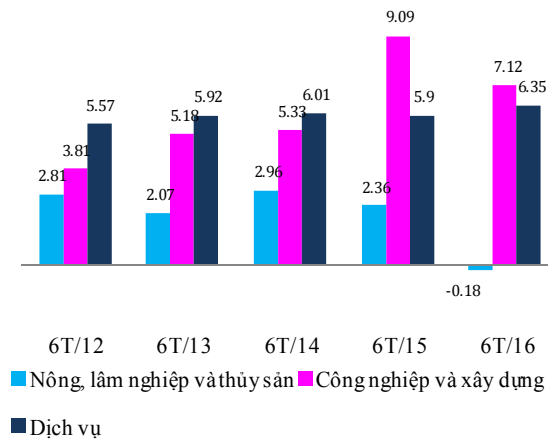
Đối với nền kinh tế Châu Âu, ngày 24/6, khi kết quả bỏ phiếu Brexit được công bố với kết quả Anh sẽ rời Châu Âu (EU) đã gây ra chấn động kinh tế toàn cầu, đồng Bảng Anh (GBP) sụt giảm mạnh 8,1%, đồng Euro (EUR) giảm 2,4%, các thị trường chứng khoán toàn cầu sụt giảm, giá vàng tăng vọt có lúc đạt 1.342USD/ounce. Nền kinh tế EU hồi phục yếu buộc Ngân hàng trung ương Châu Âu (ECB) duy trì những chính sách nới lỏng. Tuy nhiên, sự phục hồi của kinh tế EU vẫn là dấu hỏi lớn với những sự kiện như Brexit hay những vấn đề địa chính trị như khủng hoảng người di cư, an ninh hay khủng bố.

Đối với nền kinh tế Châu Á, đà giảm tốc của Trung Quốc chưa có dấu hiệu dừng lại. Các biện pháp kích thích kỳ vọng sẽ tiếp tục được triển khai. Tuy nhiên điều này sẽ làm tăng nguy cơ đồng nhân dân tệ mất giá. Bên cạnh đó, sự kiện Brexit nhiều khả năng sẽ tác động không tích cực lên triển vọng Trung Quốc khi nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là đối tác nhập khẩu hàng đầu của EU. Ngân hàng trung ương Trung Quốc vẫn đang duy trì lãi suất ở mức thấp kỷ lục kể từ tháng 10/2015 nhằm kích thích tăng trưởng trong ngắn hạn. Nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng yếu. Lo ngại xung quanh đà giảm của chi tiêu dùng và hoạt động nhập khẩu. Thêm vào đó, những ảnh hưởng tiêu cực từ thiên tai vẫn là rào cản lớn với nỗ lực hồi phục của nền kinh tế lớn thứ ba thế giới.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, trong 06 tháng đầu năm 2016 các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên mức tăng trưởng thể hiện chưa vững chắc, với GDP 06 tháng chỉ đạt 5,52% thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,32% năm 2015 nhưng cao hơn mức tăng các năm 2012-2014 cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng. Lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp; CPI tháng 06/2016 tăng

0,46% so với tháng trước, tăng 2,35 % so với đầu năm và CPI bình quân 06 tháng tăng 1,72% so với cùng kỳ năm 2015; Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng 5,9%; Vốn FDI giải ngân tăng 15,1% so với cùng kỳ; Thị trường tiền tệ ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động; Thị trường chứng khoán diễn biến tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ những tồn tại cần lưu ý: tỷ lệ nợ công và bội chi ngân sách còn cao; xử lý nợ xấu chưa triệt để trong khi quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu còn chậm, những hạn chế này có thể tiềm ẩn rủi ro trong dài hạn nhất là trong bối cảnh diễn biến chính trị-kinh tế thế giới trở nên khó lường hơn sau sự kiện Brexit.

T c t ng GDP theo ngành, 6 tháng các n m 2012-2016 (% so v i cùng k)



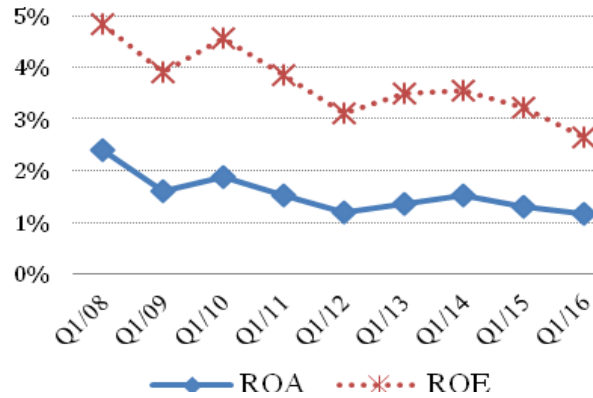
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình các doanh nghiệp Việt vẫn tiếp tục khó khăn. Trong 06 tháng/2016, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh tăng 17% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2015 giảm 0,9%). Theo tính toán của UBGSTCQG, hiệu quả sinh lời và lợi nhuận của khối doanh nghiệp phi tài chính đang có xu hướng giảm do các loại phí (chi phí tài chính, chi phí sản xuất, các loại thuế và phí...) tăng lên nhanh chóng. Trong Q1/2016 ROA, ROE của khu vực lần lượt ở mức 1,16% và 2,66% giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước (Q1/2015 ROA, ROE lần lượt là 3,22% và 1,3%). Tăng trưởng doanh thu bình quân và tổng tài sản bình quân của khu vực trong Q1/2016 lần lượt ở mức -6,4% và 11,94% thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2015 (Q1/2015 tăng trưởng doanh thu bình quân, tổng tài sản bình quân lần lượt là 49,29% và 86,31%).

Hì u qu ho t ng c a khu v c doanh nghi p phi tài chính² Q1/2008-Q1/2016

¹ Tính toán dựa trên báo cáo tài chính của từ 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HNX, HSX, Upcom do Stoxplus cung cấp

² Phân tích dựa trên báo cáo tài chính của 500-800 doanh nghiệp niêm yết trên sàn HSX, HNX và Upcom



Nguồn: Stoxplus và tính toán của UBGSTCQG

Những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng cũng không nằm ngoài sự tác động trên.

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế, cũng như tiến trình ký kết các hiệp định kinh tế giữa Việt Nam và các nước khác sẽ tác động trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sản lượng thông quan hàng hóa, khả năng khách hàng chấp nhận giá cước,... Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ là một trong những công cụ quan trọng để công ty xây dựng các chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, nhân sự, nguồn vốn trung và dài hạn. Chỉ số lạm phát cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào như giá xăng dầu, giá nhân công và ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu – những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

2 R i ro pháp lu t

Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, và khi đó sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến việc điều hành, quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3 R i ro c thù

Hoạt động của Công ty ở lĩnh vực chính là kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa và một số dịch vụ hàng hải khác. Một số rủi ro đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau :

3.1 R i ro trong vi c b c x p hàng hóa container

Rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, phát sinh trong hoạt động của cảng bao gồm rủi ro trong quá trình xếp và dỡ hàng như sập cầu container; va chạm làm hư hỏng tàu; các tai nạn do tải xế ngủ gật hay sử dụng điện thoại khi vận hành thiết bị tại các cảng; xếp nhầm hầm hàng và bị nhiễm bẩn với hàng hóa khác...

Những vụ khiếu nại yêu cầu bồi thường thường thấy, va chạm làm hư hỏng tàu, phát sinh chi phí sửa chữa tàu và tàu bị lưu tại cảng lên tới 50 nghìn USD; thiệt hại tới container và hàng hóa khi dỡ hàng thường từ 10 đến 30 nghìn USD/container bao gồm giá trị hàng hóa; hàng hóa xếp nhầm hầm hàng và bị nhiễm bẩn với hàng hóa khác bồi thường 250 nghìn USD.... Mặc dù, Công ty cũng đã mua bảo hiểm để chia sẻ rủi ro, nhưng nếu chẳng may rủi ro xảy ra cũng sẽ làm ảnh hưởng đến dây chuyền hoạt động và tài chính của Công ty.

3.2 R i ro c nh tranh

C nh tranh v i doanh nghi p n c ngoài :

Hiện nay, tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực khai thác cảng biển Việt Nam đang tăng và theo đó là quyền quản lý khai thác cảng của đối tác nước ngoài cũng tăng dần theo, kết hợp với thị phần vận tải biển trên 85% do các hãng tàu ngoại nắm giữ.

Một trong những vấn đề chính của cảng biển Việt Nam hiện nay là cơ sở hạ tầng luồng lạch, hành lang giao thông đường bộ kết nối cảng biển với hậu phương và chuỗi dịch vụ logistics đi kèm. Nhiều dự án cảng mới quy mô lớn đã được đầu tư và đưa vào khai thác nhưng chưa hoặc không thể phát huy tác dụng do không hội tụ đủ những điều kiện nêu trên làm tăng chi phí và rủi ro cho các nhà đầu tư, khó khăn cho các đơn vị xuất nhập khẩu và tác động tiêu cực đến đời sống của cộng đồng dân cư ở quanh cảng. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý và phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển và luồng hàng hải với vai trò điều phối của tổ chức chính quyền cảng vẫn chưa được hình thành mặc dù đã được Thủ tướng Chính phủ đề ra trong quy hoạch phát triển cảng biển từ năm 2009... Cảng biển Việt Nam còn thiếu sự phát triển đồng bộ, chưa tập hợp được sức mạnh để cạnh tranh với bên ngoài, thu hút hàng trung chuyển...

C nh tranh gi a các doanh nghi p trong n c :

Theo thống kê của Cục Hàng hải Việt Nam, tính đến tháng 9/2014 (sau thời điểm quy hoạch ngành được phê duyệt), Việt Nam có tổng cộng 44 cảng biển các loại, trong đó có 14 cảng biển loại I, IA (quy hoạch có 15 cảng biển loại IA và I), 17 cảng biển loại II và 13 cảng biển loại III bao gồm khoảng 219 bến cảng với gần 44

km cầu cảng và hàng chục khu chuyển tải. Tại khu vực miền Trung, cảng Đà Nẵng phải chia sẻ lượng hàng với Cảng Chân Mây, Cảng Kỳ Hà và Cảng Quy Nhơn. Ở khu vực Hải Phòng, riêng đoạn sông Cấm đã có khoảng 7, 8 bến cảng. Cảng nào cũng làm hàng bao, hàng bách hoá, hàng rời, sắt thép... Các công ty cạnh tranh, thu hút khách hàng bằng giá, chính sách “hoa hồng” linh hoạt. Theo thống kê, giá dịch vụ cảng biển của doanh nghiệp Việt Nam thấp hơn khoảng 30 - 40% so với mức giá trong khu vực. Bên cạnh việc cạnh tranh bằng giá, các cảng liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cấp cơ sở hạ tầng để tăng khả năng tiếp nhận tàu lớn.

3.3 Rủi ro giá nhiên liệu :

Sự biến động giá nhiên liệu xăng, dầu... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc vận hành các thiết bị xếp dỡ - vận chuyển, tàu lai, cầu bờ, xe cầu... Bên cạnh đó còn tác động lan tỏa đến hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong nước, qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu lưu thông hàng hóa bằng đường thủy của các doanh nghiệp và gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

4 Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... là những rủi ro bất khả kháng. Tuy rất ít khả năng xảy ra, nhưng nếu có thì sẽ gây tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty.

II. THÔNG TIN CHỦ TRÁCH NHIỆM CHÍNH VÀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức nhiệm vụ

	Ông Nguyễn Văn Thu	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
	Ông Nguyễn Hữu Sĩ	Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty
	Ông Lê Quang Cường	Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty
	Ông Đặng Xuân Cường	Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty
	Ông Nguyễn Ngọc Tâm	Chức vụ: Trưởng phòng tài chính kế toán
	Ông Trần Lê Tuấn	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Thành viên

	Ông Phạm Kim Ngọc	Chức vụ: Giám đốc VCBS – CN Đà Nẵng
---	--------------------------	-------------------------------------

Giấy UQ số 32/2015/PC-TH ngày 11/05/2015 của Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán NHTMCP Ngoại thương Việt Nam.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH chứng khoán ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM, CÁC TỪ VIẾT TẮT


<u>Từ, chữ viết tắt</u>	<u>Ngữ nghĩa</u>
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	: Công ty Cổ phần Ngân hàng
DaNangport	: Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
CDN	: Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng
VCBS	: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
VN	: Việt Nam
HC	: Hội đồng
HQT	: Hội đồng quản trị
TG	: Tổng giám đốc
H SXKD	: Hoạt động sản xuất kinh doanh
TMCP	: Thương mại cổ phần
BKS	: Ban kiểm soát
UQL Công ty	: Ủy quyền Công ty Cổ phần Ngân hàng
VN	: Việt Nam
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
DT	: Doanh thu
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TSC	: Tài sản cố định
LN	: Lợi nhuận
TNBQ	: Thu nhập Bình quân
B GTVT	: Bộ Giao thông Vận tải

<i>CBCNV</i>	:	<i>Cán b công nhân viên</i>
<i>KKD</i>	:	<i>ng ký kinh doanh</i>
<i>CNQSD</i>	:	<i>Ch ng nh n quy n s d ng t</i>
<i>BCTC</i>	:	<i>Báo cáo tài chính</i>
<i>QL</i>	:	<i>Qu n lý</i>
<i>XN</i>	:	<i>Xí nghi p</i>
<i>H L</i>	:	<i>H p ng lao ng</i>
<i>yoy</i>	:	<i>year on year, có ngh a là so v i cùng k n m tr c</i>



IV. TÌNH HÌNH VÀ C I M C A T CH C NIÊM Y T

1 Tóm t t quá trình hình thành và phát tri n

1.1. Thông tin chung v công ty

Tên Công ty	:	CÔNG TY C PH N C NG À N NG
Tên tiếng Anh	:	Danang port joint stock company
Tên viết tắt	:	Cảng Đà Nẵng
Mã chứng khoán:		CDN
Logo	:	 SINCE 1901
Trụ sở chính	:	Số 26 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	:	0511.38222512
Fax	:	0511.3822 565
Website	:	www.danangport.com
Vốn điều lệ đăng ký:		660.000.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp:		660.000.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng)
Người đại diện theo pháp luật:		Ông Nguyễn Hữu Sia – Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số		0400101972, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 : 17/03/2015.

Ngành nghề kinh doanh:

-  Bốc xếp hàng hóa. Mã số: 5224
-  Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Mã số: 5222

- ✚ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Mã số: 5229
- ✚ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Mã số: 5210
- ✚ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Mã số: 5610
- ✚ Dịch vụ ăn uống. Mã số: 5629
- ✚ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Mã số: 4661
- ✚ Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp. Mã số: 2816

1.2. Quá trình hình thành, phát triển :

- Ngày 19/01/1976** Cảng Đà Nẵng được Bộ Giao thông Vận tải giao Cục đường biển trực tiếp quản lý tại Quyết định số 222-QĐ/TC
- Ngày 15/6/1993** Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 1163/QĐ-TCLĐ thành lập doanh nghiệp Nhà nước Cảng Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 08/5/1998** Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 91/1998/QĐ-TTg chuyển Cảng Đà Nẵng làm thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 12/10/2007** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 3089/QĐ-BGTVT về việc chuyển Cảng Đà Nẵng – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng.
- Ngày 01/4/2008** Cảng Đà Nẵng hoàn thành các thủ tục chuyển đổi và đăng ký kinh doanh, chính thức hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Ngày 06/5/2014** Tổng công ty hàng hải Việt Nam có quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 6/5/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần.
- Ngày 11/06/2014** Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 24/07/2014** Tiến hành Đại hội cổ đông lần thành lập Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

- Ngày 25/7/2014** Chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101972 lần đầu ngày 01/04/2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 25/07/2014 với vốn điều lệ là 660 tỷ đồng.
- Ngày 24/11/2014** Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- Ngày 19/06/2015** Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu.
- Ngày 22/03/2016** Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định số 163/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
- Ngày 30/03/2016** Cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng chính thức giao dịch trên thị trường Upcom. Qua 06 tháng đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM, Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng được đánh giá tuân thủ tốt nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Cảng Đà Nẵng nằm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, một thành phố năng động đóng vai trò trung tâm về kinh tế - xã hội của miền Trung, với vị trí địa lý tự nhiên nằm trong Vịnh Đà Nẵng rộng 12 km², độ sâu từ 10 – 17 mét, được bao bọc bởi núi Hải Vân và bán đảo Sơn Trà, kín gió cùng với đê chắn sóng dài 450 mét thuận lợi cho các tàu neo đậu và làm hàng quanh năm. Với lịch sử trên 100 năm hình thành và phát triển, hiện tại Cảng Đà Nẵng là cảng biển lớn nhất khu vực miền Trung Việt Nam. Hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng với Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt, Vùng hậu phương rất rộng rãi và thông thoáng, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực. Hàng hóa xuất nhập thông qua Cảng, theo Quốc lộ 1A để đến các tỉnh phía Bắc và phía Nam của Thành phố, theo Quốc lộ 14B để đến các tỉnh Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan. Khu cảng chính của Cảng Đà Nẵng là bến Cảng Tiên Sa.

Cảng Tiên Sa là cảng biển nước sâu tự nhiên, chiều dài cầu bến là 1.194 m (bao gồm 2 cầu nhô, 1 bến liền bờ chuyên dụng khai thác container và 1 bến kè), Cảng Tiên Sa có khả năng tiếp nhận tàu hàng tổng hợp đến 50.000 DWT, tàu container đến 2.000 teus và tàu khách đến 75.000 GRT.

Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Đà Nẵng được xác định là một cảng lớn của khu vực. Trong đó, Cảng Tiên Sa có khu bến container với hệ thống kho bãi, đê chắn sóng, thiết bị chuyên dụng hiện đại, phục vụ giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế, du lịch cho vùng hậu phương gồm các tỉnh miền

Trung, Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến hàng lang kinh tế Đông Tây(EWEC). Cảng Đà Nẵng còn được xác định là một trong những cửa ngõ chính ra biển Đông của tiểu vùng Mê Kông (Great MeKong Subregion - GMS). Hệ thống Khai thác và quản lý Cảng đã được đơn vị BV - Vương quốc Anh công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, mọi hoạt động của Cảng đều định hướng vào những lợi ích thiết thực của khách hàng. Hiện nay, Cảng Đà Nẵng đang áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2010 để bảo vệ môi trường, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bền vững. Với việc năng động tìm kiếm khách hàng, xây dựng mạng lưới đối tác, đẩy mạnh nghiên cứu cũng như phát triển thị trường, thương hiệu Cảng Đà Nẵng dần dần được xác lập trong ngành hàng hải Việt Nam và khu vực. Lượng hàng qua cảng Đà Nẵng không ngừng tăng lên: Nếu năm 1994, sản lượng hàng hoá thông qua Cảng Đà Nẵng đạt 500.000 tấn, thì năm 2004 là 2.308.973 tấn, năm 2014 đạt 6.022.045 tấn và năm 2015 đạt 6.406.000 tấn. Dự kiến của năm 2015 sẽ đạt 6.700.000 tấn. Đối với container, nếu năm 1996, sản lượng container chỉ là 8.200 Teus, đến năm 2006 là 37.404 Teus và đã đạt con số 227.367 Teus vào năm 2014. Năm 2015, sản lượng container đạt 258.000 Teus. Dự kiến năm 2016, hàng container đạt 290.000 Teus.

Với những thành tích đạt được, Cảng Đà Nẵng đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương lao động hạng nhất, Huân chương độc lập hạng ba, Huân chương độc lập hạng nhì. Đây là những phần thưởng ghi nhận công lao đóng góp, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên Cảng Đà Nẵng, đồng thời cũng giúp Cảng Đà Nẵng vững tin hơn cho một tương lai tươi sáng, vững bước trên con đường phát triển trở thành một trong những cảng biển hiện đại hàng đầu của cả nước cũng như khu vực. Vị trí địa lý – Trạm hoa tiêu : 16⁰ 10' vĩ bắc, 108⁰ 11' kinh đông.



Hình 1 : V trí địa lý Cảng Đà Nẵng

1.3. Quá trình t ng v n i u l :

Tính từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (25/7/2014) đến nay Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng chưa thực hiện việc tăng vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ), vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ ban đầu là 660 tỷ đồng.

1.4. M t s hình nh v ho t ng kinh doanh chính c a Công ty :



Hình 2 : Tr s Công ty c ph n C ng à N ng



Hình nh 3: C ng Tiên Sa

2 C c ut ch c và c c ub máy qu n lý c a Công ty

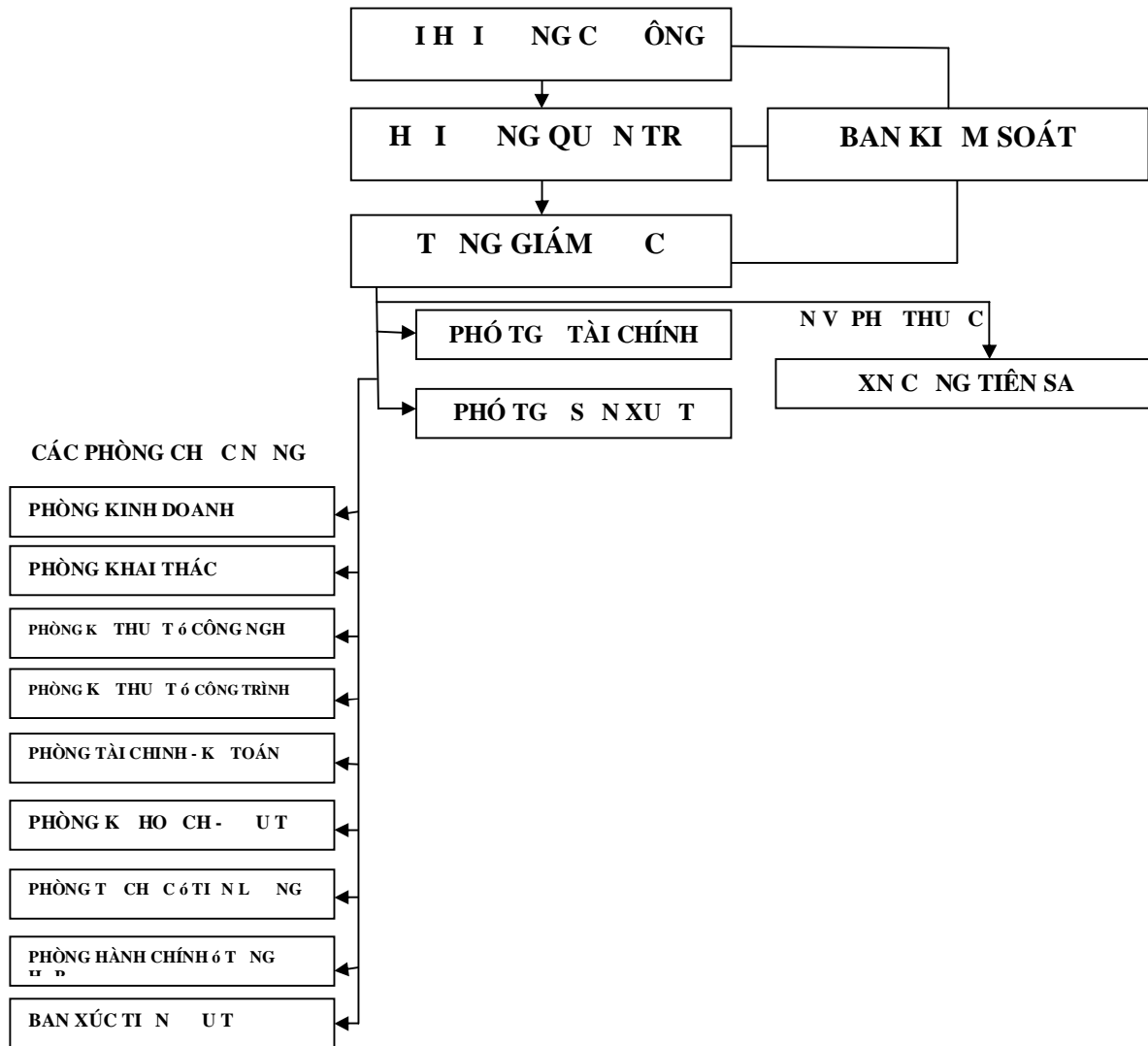
Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo các quy định của Luật Doanh

ngiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc điều hành;

S t ch c, b máy qu n lý c a Công ty c ph n C ng Ì N ng kèm đi n gi i



Nguồn: Công ty cổ phần Công nghiệp và Thương mại

Đặc điểm công ty

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một

(01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh Công ty; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

H i ng Qu n tr

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động, ra các nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược, nghị quyết của Hội đồng cổ đông đề ra.

Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng gồm 06 thành viên:

Ông Nguyễn Thu	- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Ông Nguyễn Hữu Sia	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Quảng Đức	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Bảo Lộc	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Trần Tuấn Hải	- Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lương Đình Minh	- Ủy viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ban Ki m soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người.

Ông Trần Lê Tuấn - Trưởng ban kiểm soát

Ông Lê Duy Dương - Ủy viên ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Anh - Ủy viên ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát không được giữ chức vụ quản lý công ty và không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.


Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động của mình. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong công ty. Xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, các phương án liên doanh, liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

Các Phó Tổng Giám đốc: Giúp việc cho Tổng giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

Chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban

 Phòng Tổ chức – Tiền lương :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Xây dựng bộ máy quản lý; quy hoạch, đào tạo và tuyển dụng cán bộ, công nhân viên; Tổ chức quản lý, sử dụng và định biên lao động; Trả lương, thưởng. Thanh tra; Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng an ninh và công tác phòng cháy chữa cháy; an toàn vệ sinh lao động; môi trường. Phổ biến, triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và của Cảng Đà Nẵng đối với CBCNV.

✚ Phòng Kỹ thuật – Công nghệ :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Kỹ thuật cơ khí và Công nghệ xếp dỡ, giúp cho công tác quản lý kỹ thuật các phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ, hệ thống điện hiện có tại Cảng Đà Nẵng đảm bảo tình trạng kỹ thuật, đạt tính an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và yêu cầu cơ giới hóa, hiện đại hóa ngày càng cao.

✚ Phòng Kỹ thuật – Công trình :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Quản lý hạ tầng cảng biển, các công trình kiến trúc. Quản lý việc đầu tư xây dựng và giám sát kỹ thuật các công trình xây dựng cơ bản; các công trình duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa: cầu tàu, bến bãi, kho tàng. Lập kế hoạch nạo vét khu nước trước bến, đề xuất nạo vét luồng lạch trên các tuyến luồng để đảm bảo công tác khai thác của Cảng Đà Nẵng thuận lợi, an toàn, đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

✚ Phòng Kế hoạch đầu tư :

Thực hiện công việc mua sắm, quản lý, cấp phát những vật tư, phụ tùng chủ yếu được giao. Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và giao kế hoạch cho Đơn vị trực thuộc Công ty; Lập đề án và luận chứng Kinh tế kỹ thuật cho việc đầu tư phát triển; Tìm đối tác xây dựng và trình duyệt hợp đồng kinh tế về lĩnh vực đầu tư và sửa chữa; Kiểm tra, lập phương án thanh lý tài sản; Tổ chức công tác thống kê, mạng vi tính trong toàn Công ty; Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh; Tổ chức quản lý, cung cấp nhiên liệu, thực hiện công việc mua sắm, quản lý, cấp phát những vật tư, phụ tùng, trang bị bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường, PCCC v.v.. được giao.

✚ Phòng Tài chính – Kế toán :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về lĩnh vực công tác quản lý kinh tế tài chính của Cảng Đà Nẵng bao gồm: Tham mưu cho Tổng Giám đốc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả cao. Tính toán tính kinh tế, kiểm tra, thống kê và quản lý việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, nhằm bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các chế độ, nguyên tắc luật pháp của Nhà nước. Quan hệ cổ đông, công bố thông tin, lập kế hoạch, chương trình lưu ký, đăng ký giao dịch, niêm yết theo quy định.

✚ Phòng Kinh doanh :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Marketing, quan hệ công chúng, truyền thông, kinh doanh, ký kết hợp đồng bán hàng, pháp chế dịch vụ - hàng hóa, theo dõi giám sát và tính cước dịch vụ cảng và thanh lý các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa để thu hút ngày càng nhiều nguồn hàng thông qua Cảng Đà Nẵng.

✚ Phòng Khai thác :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Bố trí cầu bến, điều động các tàu ra vào Cảng Đà Nẵng. Lập kế hoạch khai thác tổng thể, tổ chức kiểm tra năng suất đầu tàu, đầu bãi, theo dõi, hỗ trợ Đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện tốt kế hoạch khai thác, các tác nghiệp xếp dỡ đạt chất lượng, hiệu quả đúng tiến độ theo kế hoạch khai thác tổng thể của Công ty.

✚ Phòng Hành chính – Tổng hợp :

Thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về các lĩnh vực: Hành chính, quản trị, đối ngoại, thi đua, tuyên truyền.

✚ Ban xúc tiến đầu tư-Đối ngoại

Có chức năng chủ yếu là tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong công tác xúc tiến đầu tư và đối ngoại và các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc công ty giao.

✚ Xí nghiệp Cảng Tiên Sa – đơn vị phụ thuộc

Xí nghiệp Cảng Tiên Sa là Đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng, có tư cách pháp nhân không đầy đủ; hạch toán nội bộ theo phân cấp của Cảng Đà Nẵng; được sử dụng con dấu riêng.

Xí nghiệp Cảng Tiên Sa được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp với Công ty. Xí nghiệp Cảng Tiên Sa có các ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức; Sửa chữa phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ hàng hải; Kinh doanh dịch vụ thương mại và dịch vụ khác; và các ngành nghề kinh doanh khác theo phân cấp của Công ty.

3 Danh sách công nhân ghi t 5% tr lên v n c ph n c a công ty

B ng 1 : Danh sách công nhân ghi t 5% V L tr lên t i ngày 07/09/2016

STT	Tên công nhân	Địa chỉ	Số KSH/CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	985/QĐ-TTg	49.500.000	75%
2	Lâm Thị Mai	24 Trần Quốc Thảo, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh	025316231	3.900.000	5,91%

3	Vũ Văn Hải	Số 49, đường 15, KP1, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	025916180	3.800.000	5,76%
	T ng c ng			57.200.000	86,67

(Ngu n : S ng ký ng i s h u c phi u Công ty c ph n C ng à N ng ch t
ngày 07/09/2016 do VSD cung c p)

4 Danh sách c ông sáng l p và t l n m gi ; c c u c ông

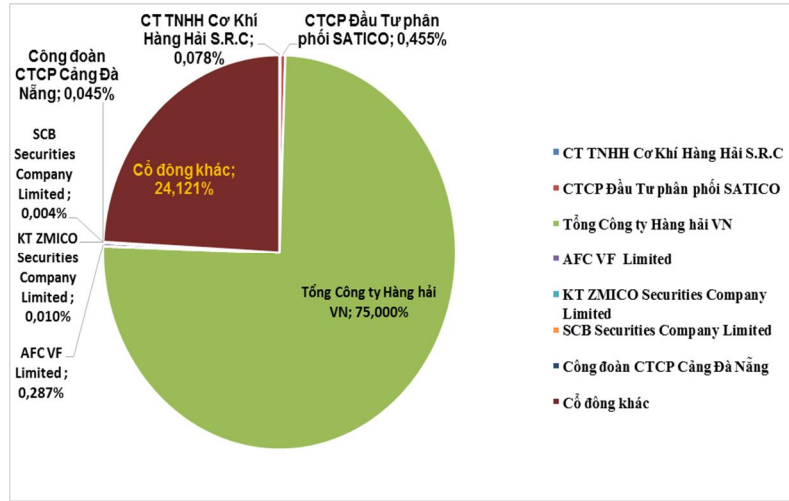
Danh sách c ông sáng l p và t l n m gi : Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng được chuyển đổi mô hình từ 100% vốn nhà nước sang Công ty cổ phần nên không có cổ đông sáng lập.

C c u c ông theo v n th c góp c a Công ty c phân lo i nh sau :

B ng 2 : C c u c ông t i ngày 07/09/2016

TT	C c u c ông	S l ng c ông (ng i)	C phi u s h u	S tí n (1.000 VN)	T l trên v n th c có (%)
1	C ông trong n c	605	65.798.400	657.984.000.000	99,70
	Cá nhân	601	15.917.000	159.170.000.000	24,12
	Tổ chức	4	49.881.400	498.814.000.000	75,58
2	C ông n c ngoài	4	201.600	2.016.000.000	0,30
	Cá nhân	1	2.900	29.000.000	0,00
	Tổ chức	3	198.700	1.987.000.000	0,30
	T ng c ng	609	66.000.000	660.000.000.000	100%

(Ngu n : S ng ký ng i s h u c phi u Công ty c ph n C ng à N ng ch t
ngày 07/09/2016 do VSD cung c p)



Bì u 1: C c u s h u c ô ng Công ty c ph n C ng à N ng

5 Danh sách công ty m , công ty con, nh ng công ty mà Công ty c ph n C ng à N ng ang n m gi quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i, nh ng công ty ang n m quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i i v i Công ty c ph n C ng à N ng

5.1 Công ty ang n m quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i i v i Công ty c ph n C ng à N ng:

Tên công ty : Tổng Công ty Hàng hải VN
 Địa chỉ : Số 1, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh : Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; kho bãi và lưu giữ hàng hóa....

Vốn điều lệ đã đăng ký : 10.693.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 10.693.000.000.000 đồng

Vốn thực góp tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng (theo mệnh giá): 495.000.000.000 đồng, tương đương 49.500.000 cổ phiếu..

Tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng : 75%

5.2 Công ty con và các công ty mà DaNangport ang n m gi quy n ki m soát ho c c ph n chi ph i: Không có

5.3 Công ty liên k t :

5.3.1 Tên công ty : Công ty c ph n logistics C ng à N ng

Địa chỉ :Đường Yết Kiêu – Phường Thọ Quang - Quận Sơn Trà – Tp. Đà Nẵng

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400999731 do sở kế hoạch đầu tư Tp Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/03/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/05/2011.

Ngành nghề kinh doanh : Dịch vụ logistics; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh, khai thác kho bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận; Dịch vụ khai thuế hải quan; Đại lý vận tải nội địa, đại lý Container; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ và đường bộ; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa; Khách sạn; Mua bán Klinker, than, khoáng sản;

Vốn điều lệ đã đăng ký : 36.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 36.000.000.000 đồng

Vốn thực góp tại Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng (theo mệnh giá) là 16.199.370.000 đồng, tương ứng 1.619.937 cổ phần.

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng : 45%.

5.3.2 Tên công ty : Công ty c ph n tàu lai C ng à N ng

Địa chỉ : Số 02 đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401463358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 01 năm 2012, thay đổi lần thứ 1 ngày 04/03/2014;

Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải đường thủy....

Vốn điều lệ đã đăng ký : 25.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 25.000.000.000 đồng

Vốn thực góp tại Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng là 9.000.000.000 đồng tương ứng 900.000 cổ phần.

Tỷ lệ nắm giữ của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng : 36%.

6 Ho t ng kinh doanh

6.1 S n l ng s n ph m, giá tr d ch v qua các n m

6.1.1. Các ho t ng kinh doanh ch y u công ty m - CTCp C ng à N ng

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng là các dịch vụ khai thác cảng biển như dịch vụ bốc xếp hàng hóa và container, dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, đóng gói, nâng hạ container, vệ sinh và sửa chữa container, cho thuê kho CFS, kho ngoại quan, dịch vụ Depot, dịch vụ lưu container lạnh. Hỗ trợ, lai dắt hỗ trợ tàu biển; vận chuyển, bảo quản; kiểm đếm và giao nhận hàng hóa;

Trong năm 2015, từ định hướng phát triển công ty đi theo hướng hàng container, tàu khách, tàu có trọng tải lớn,... các bộ phận cùng với phòng kinh doanh đã nghiên cứu thị trường, khách hàng, các đối thủ cạnh tranh và các dịch vụ thay thế, kịp thời đề ra các

chính sách về năng suất, giá phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, nhằm thu hút hàng container vào cảng. Tổng sản lượng hàng container qua Cảng đạt 258.000 TEU, tăng 113,5% so với năm 2014. Tổng lượng tàu đến Cảng đạt 1.726 lượt (845 lượt tàu container, 57 lượt tàu khách và 824 lượt tàu hàng tổng hợp khác), tăng 96,2% so với năm 2014.

Về công tác đầu tư: Cảng đã thực hiện công tác đầu tư cầu QCC3. Đầu tư 2 ngáng cầu container bán tự động, đầu tư 2 gầu ngoạm làm hàng rời, một xe ủi bánh xích, đang được xúc tiến đầu tư 2 cầu RTG. Đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa giai đoạn II: Năm 2015, Cảng đã thực hiện các công tác thủ tục của dự án, đồng thời đã triển khai 2 gói thầu: tư vấn thiết kế và tư vấn quản lý dự án. Tổng giá trị đầu tư trong năm 2015 là 56.809 triệu đồng, tăng 44,7% so với năm 2014

09 tháng đầu năm 2016, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng Đà Nẵng đạt 5.362.638 tấn, tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tăng trưởng tập trung vào các mặt hàng xi sắt, quặng sắt, bột phụ gia, xi măng, phân bón, sắt thép và container. Sản lượng container 9 tháng đầu năm đạt 233.485 Teus, tăng gần 22 % so với cùng kỳ năm ngoái. Từ đầu năm đến nay, Cảng đón 725 lượt tàu container với trung bình 20 chuyến/tuần của 15 hãng tàu container. Trong tháng 9 năm 2016, mặc dù chịu ảnh hưởng của cơn bão số 4, nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo, công tác chuẩn bị phòng chống tốt và sự khẩn trương của toàn thể cán bộ công nhân viên, Cảng Đà Nẵng hầu như không chịu thiệt hại nào và hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng vẫn diễn ra thông suốt.



Thời gian qua, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp vùng hậu phương Cảng có những tăng trưởng đáng kể. Một số doanh nghiệp đang thực hiện mở rộng sản

xuất, thiết lập nhà máy mới, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu... thúc đẩy sản lượng xuất nhập trong các ngành dệt may, giày da, ô tô, gạch men,... tăng khá.

Bên cạnh đó, hoạt động mở tuyến của Hãng tàu lớn thứ 2 Thế giới MSC từ đầu năm, sự xuất hiện của các hãng mới UASC, BLPL Singapore, China Shipping Container Lines tại thị trường Đà Nẵng đã phần nào giúp các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong khu vực có nhiều sự chọn lựa hơn, góp phần gia tăng sản lượng container xuất nhập ngoại thông qua Cảng.

Giữa Quý 2/2016, sự có mặt của chuyến tàu mới của hãng tàu Vietsun cũng đã khiến cho hoạt động vận tải biển nội địa thêm sôi động. Sự đa dạng của các hãng tàu nội địa, nhu cầu vận chuyển hàng hóa nội địa qua đường biển tăng đáng kể. Hiện nay, có 14 hãng tàu container có tàu thường xuyên đến Cảng và hơn 40 hãng vỏ container. Nếu như năm 2015, trung bình mỗi tuần Cảng Đà Nẵng đón 17 chuyến tàu container thì nay Cảng thường xuyên đón khoảng 19-20 chuyến tàu cập Cảng hàng tuần.

Về phía Cảng, sự chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, những đổi mới về công nghệ, công tác đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực, cải tiến thủ tục giao nhận, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật... đã góp phần gia tăng năng suất và chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, bộ phận Kinh doanh Marketing đã có các chuyến công tác tìm hiểu khảo sát thị trường, thu hút những khách hàng mới, tìm kiếm nguồn hàng mới, đồng thời, quảng bá hình ảnh tốt đẹp của Cảng Đà Nẵng.

Trong 09 tháng đầu năm, bên cạnh mặt hàng container một số mặt hàng cũng có sản lượng tăng tốt. Tiêu biểu là cát vàng, clinker, sắt thép, thiết bị, phân bón.

Với vị trí là một cảng biển quan trọng của thành phố du lịch, Cảng Đà Nẵng cũng rất tập trung đến lĩnh vực tàu khách. 9 tháng đầu năm, Cảng Đà Nẵng đón 69 chuyến tàu du lịch, tăng 28% so với cùng kỳ năm ngoái.



Hình 4 : Các hình nh th hi n ho t ng kinh doanh c a C ng à N ng

6.1.2. Ho t ng kinh doanh t i các công ty con

Theo BCTC 2015, công ty có 3 công ty con là Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng; Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng, Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng hoạt động kinh doanh chủ yếu của các công ty con là lai đất tàu

biển, vận chuyển logistics và xây dựng cầu cảng và một số dịch vụ trong ngành cảng biển. Đến tháng 5/2016, công ty đã thực hiện thoái vốn tại các công ty con nên CTCP Cảng Đà Nẵng không còn nắm giữ cổ phần chi phối tại các công ty này, BCTC Quý III năm 2016 thể hiện công ty không có công ty con.

6.1.3 C c u doanh thu, l i nhu n g p

Các sản phẩm và dịch vụ đặc thù của Công ty đã tạo ra cơ cấu doanh thu, lợi nhuận như sau :

B ng 3 : C c u doanh thu thu n (BCTC Công ty m)

n v tính :1.000 ng

T T	Ch tiêu	01/10/2013- 24/07/2014 (*)		25/07/2014- 31/12/2014		N m 2015		09 tháng u n m 2016	
		Giá tr	T tr ng	Giá tr	T tr ng	Giá tr	T tr ng	Giá tr	T tr ng
1	Hoạt động bốc xếp	262.010.195	70,88	146.744.025	76,11	368.498.635	76,86	311.668.555	76,81
2	Hoạt động giao nhận	718.827	0,19	393.532	0,2	1.029.237	0,22	786.140	0,19
3	Hoạt động lưu kho bãi	26.894.547	7,28	17.319.433	8,98	22.255.596	4,64	20.923.375	5,16
4	Hoạt động lai dắt	29.118.982	7,88	13.580.490	7,04	38.174.893	7,96	30.395.931	7,49
5	Hoạt động cầu bến,hành khách	34.146.902	9,24	8.044.801	4,17	25.849.654	5,39	26.135.377	6,44
6	Kinh doanh khác	16.761.479	4,53	6.734.142	3,49	23.648.928	4,93	15.832.820	3,9
T ng c ng		369.650.932	100	192.816.423	100	479.456.943	100	405.742.198	100

(Ngu n Công ty c ph n C ng à N ng)

() Giai o n 01/10/2013 ó 24/7/2014: Là giai o n t th i i m xác nh giá tr doanh nghi p n th i i m chính th c chuy n thành công ty c ph n. BCTC riêng giai o n t 01/10/2013-24/7/2014 ã c ki m toán b i Công ty TNHH ki m toán và k toán AAC. Công ty không l p BCTC h p nh t giai o n t 01/10/2013-24/7/2014*

Doanh thu thuần của công ty qua các năm có xu hướng tăng nhưng không nhiều. Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2016 bằng 84,62% doanh thu thuần cả năm 2015. Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng, hoạt động bốc xếp hàng hóa có tỷ trọng cao nhất, trong khoảng từ 70-77%. Bên cạnh các hợp đồng xếp dỡ, giao nhận với các đối tác lâu năm như CMA CGM, Maersk Lines, SITC container Lines, Yang Ming Lines (Hàn Quốc)...năm 2016, công ty còn phát sinh một số hợp đồng bốc xếp với Công ty cổ phần vận tải biển Vinafco, Công ty cổ phần Asiatrans Việt Nam, Công ty TNHH khoáng sản Transcend Việt Nam, Công ty TNHH sản xuất nguyên liệu

giấy Việt Nhật... Các hoạt động lai đất, lưu kho bãi, cầu bến, hành khách chiếm tỷ trọng tương đương nhau, giao động xung quanh mức từ 7%-8% doanh thu thuần các năm.

B ng 4 : C c u doanh thu thu n (BCTC h p nh t)

n v tính :1.000 ng

TT	Ch tiêu	25/07/2014-31/12/2014		N m 2015	
		Giá tr	T tr ng	Giá tr	T tr ng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	231.492.116	92,02	549.484.724	95,86
2	Doanh thu xây lắp	20.084.687	7,98	23.754.616	4,14
T ng c ng		251.576.803	100	573.239.340	100

(Ngu n Công ty c ph n C ng à N ng)

Trong năm 2015, doanh thu thuần hợp nhất đạt 573.239.340.006 đồng, trong đó doanh thu công ty mẹ là 479.456.943.014 đồng. Cơ cấu doanh thu thuần trong báo cáo tài chính hợp nhất ngoài các hoạt động chính như hoạt động bốc xếp, giao nhận, lưu kho, lai đất, cầu bến,... của công ty mẹ, hoạt động giao nhận, lai đất của công ty con (CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng, CTCP logistics Cảng Đà Nẵng), còn có phần doanh thu xây lắp (chiếm tỷ trọng từ 4% đến 8% trong tổng doanh thu hợp nhất), đó là sự đóng góp doanh thu của công ty con - công ty cổ phần xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng. Vào tháng 05/2016, Công ty đã thoái vốn ở 03 Công ty con là Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng, Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng, Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng nên báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2016 chỉ phản ánh doanh thu của CTCP Cảng Đà Nẵng

C C U L I NHU N G P

B ng 5 : C c u l i nhu n g p (BCTC công ty m)

n v tính :1.000 ng

T T	Ch tiêu	01/10/2013-24/07/2014 (*)		25/07/2014-31/12/2014		N m 2015		09 tháng u n m 2016	
		Giá tr	T tr ng/ DTT (%)	Giá tr	T tr ng/ DTT (%)	Giá tr	T tr ng/ DTT (%)	Giá tr	T tr ng /DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.404.584	22,02	43.201.805	22,41	155.780.363	32,49	146.525.953	36,10
T ng c ng		81.404.584	22,02	43.201.805	22,41	155.780.363	32,49	146.525.953	36,10

(Ngu n : BCTC riêng giai o n 01/10/2013 n 24/07/2014 ã ki m toán và BCTC riêng giai o n 25/07/2014 ó 31/12/2014 ã ki m toán, BCTC riêng n m 2015 ã ki m toán, BCTC quý III n m 2016)

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh, Công ty không tách chi tiết khoản mục giá vốn hàng bán đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ nên chỉ có số liệu tổng hợp lợi nhuận gộp từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tỷ trọng lợi nhuận gộp so với doanh thu thuần trong 02 năm gần đây có xu hướng tăng. Năm 2015, tỷ trọng này đạt 32,49%. Trong 09 tháng đầu năm 2016, tỷ trọng này đạt 36,10%, có sự gia tăng so với các năm trước, cho thấy sự kiểm soát tốt giá vốn hàng bán.

B ng 6 : C c u l i nh u n (BCTC h p nh t)

n v tính :1.000 ng

TT	Ch tiêu	25/07/2014-31/12/2014		N m 2015	
		Giá tr	T tr ng/ DTT (%)	Giá tr	T tr ng/ DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.820.344	22,98	196.295.451	34,24
2	Lợi nhuận gộp xây lắp	2.183.402	0,87	3.369.006	0,59
T ng c ng		60.003.746	23,85	199.664.457	34,83

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

Tương tự như doanh thu thuần hợp nhất, ngoài lợi nhuận gộp đến từ các hoạt động chính như hoạt động bốc xếp, giao nhận, lưu kho, lai dắt, cầu bến.... của công ty mẹ, hoạt động giao nhận, lai dắt của công ty con (CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng, CTCP logistics Cảng Đà Nẵng), còn có lợi nhuận gộp đến từ hoạt động xây lắp của công ty con - công ty cổ phần xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng.

6.2 Nguyên v t li u :

Ngu n nguyên v t li u :

- Với đặc thù ngành nghề kinh doanh khai thác cảng biển, khai thác kho bãi, chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho khách hàng nên nguyên vật liệu chính của Công ty là dầu diesel, xăng, dầu nhớt, mỡ..

- Điện năng được sử dụng trong hoạt động chiếu sáng, duy trì container lạnh và vận hành các cần cầu bốc xếp hàng tại bến bãi.

- Vật liệu, phụ tùng dùng cho công việc bốc xếp, sửa chữa thay thế phương tiện vận tải - bốc xếp chuyên dụng bao gồm cáp thép, dây cáp điện, linh kiện điện tử...

S n nh c a các ngu n cung c p này :

- Dầu diesel, xăng, dầu nhớt, mỡ được cung cấp bởi các công ty trong nước.

- Điện năng mua trực tiếp của các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu này khá ổn định, giá cả biến động tăng giảm theo quy định của Nhà nước.

- Ngoài ra để chủ động trong việc sửa chữa thay thế linh kiện cho các phương tiện phục vụ sản xuất Công ty có kế hoạch mua một số vật tư dự phòng thay thế cho các

phương tiện như: cáp thép, dây cáp điện, linh kiện điện tử... với số lượng và giá trị ở mức vừa phải.

nh h ng c a giá c nguyên v t li u t i doanh thu, l i nhu n :

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng ở mức 11% đến 12% trong giá vốn hàng bán của Công ty. Trong những năm vừa qua, giá xăng dầu trên thế giới biến động liên tục. Trong 03 tháng gần đây, giá xăng dầu giảm liên tục do dự báo nguồn cung dồi dào, Công ty sẽ được hưởng lợi do chi phí giảm.

Bên cạnh đó, đơn giá theo các hợp đồng được ổn định trong vòng một (01) năm, trong trường hợp giá nhiên liệu biến động tăng quá lớn (trên 10%) thì các bên sẽ xem xét điều chỉnh đơn giá. Chính vì thế, giá cả nguyên vật liệu cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

6.3 Chi phí s n xu t

C C U CHI PHÍ

B ng 7 : Chi phí s n xu t (BCTC công ty m)

n v tính :1.000 ng

Ch tiêu	01/10/2013- 24/07/2014		25/07/2014- 31/12/2014		N m 2015		09 tháng u n m 2016	
	S t i n	% so v i DTT	S t i n	% so v i DTT	S t i n	% so v i DTT	S t i n	% so v i DTT
	Doanh thu thu n	369.650.932	100	192.816.423	100	479.456.943	100	405.742.198
Giá vốn hàng bán	288.246.348	77,98	149.614.618	77,59	323.676.579	67,51	259.216.244	63,89
Chi phí bán hàng	173.856	0,05	76.136	0,04	898.084	0,19	490.065	0,12
Chi phí QLDN	37.429.943	10,12	17.975.034	9,32	44.936.671	9,37	38.610.783	9,52
Chi phí tài chính	17.683.702	4,78	905.194	0,47	3.695.522	0,77	20.446.033	5,04
T ng chi phí	343.533.849	92,93	168.570.982	87,43	373.206.856	77,84	318.763.125	78,56

(Ngu n : BCTC riêng giai o n 01/10/2013 n 24/07/2014 ã ki m toán và BCTC riêng giai o n 25/07/2014 ó 31/12/2014 ã ki m toán, BCTC riêng n m 2015 ã ki m toán, BCTC quý III n m 2016)

Trong cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong khoảng từ 64%-78%, và có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây do công ty có những biện pháp và chính sách quản lý hợp lý trong quản lý nhân công, quản lý chi phí đầu vào như ký hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên nhiên liệu gửi hàng tại kho của Cảng Đà Nẵng để tiết kiệm chi phí vận chuyển chi phí khấu hao giảm, cơ sở hạ tầng và thiết bị được đầu tư mới tạo năng suất cao hơn... đã làm cho tổng giá vốn hàng bán giảm xuống. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần giao động trong mức từ 9% - 10%, là mức hợp lý cho việc duy trì hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp lớn như Cảng Đà Nẵng. Tổng chi phí có xu hướng giảm

dẫn trong 02 năm gần đây. Tổng chi phí 09 tháng đầu năm 2016 chỉ chiếm 78,56% so với doanh thu thuần. Đây là sự nỗ lực trong việc quản lý chi phí của Ban tổng giám đốc công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

B ng 8 : Chi phí s n xu t (BCTC h p nh t)

n v tính :1.000 ng

Ch tiêu	25/07/2014-31/12/2014		N m 2015	
	S t i n	% so v i DTT	S t i n	% so v i DTT
Doanh thu thuần	251.576.803	100	573.239.340	100
Giá vốn hàng bán	191.573.056	76,15	373.574.883	65,17
Chi phí bán hàng	2.485.489	0,99	3.486.697	0,61
Chi phí QLDN	27.156.981	10,79	68.456.304	11,94
Chi phí tài chính	927.628	0,37	3.832.663	0,67
T ng chi phí	222.143.154	88,30	449.350.547	78,39

(*Nguồn : BCTC h p nh t giai o n 25/07/2014 ó 31/12/2014 ã k i m toán, BCTC h p nh t n m 2015 ã k i m toán*)

Tương tự như cơ cấu chi phí sản xuất công ty mẹ, tỷ trọng chi phí sản xuất so với doanh thu thuần hợp nhất cũng có xu hướng giảm, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất.

6.4 Trình công ngh

Được xem là một trong những Cảng Container lớn nhất và là trung tâm giao thương xuất nhập khẩu của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, cửa ngõ hành lang kinh tế đông tây qua các nước Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar, Cảng Đà Nẵng có năng lực tiếp nhận cụ thể như sau:

C u b n t i khu v c Tiên Sa.

*** T ng s chi u dài b n: 1.194 mét.**

Gồm 2 cầu nhô (4 bến)

Bến Tiên Sa 1: 210 mét, độ sâu: 11,5 mét (Hệ Hải đồ)

Bến Tiên Sa 2: 210 mét, độ sâu: 10 mét

Bến Tiên Sa 3: 185 mét, độ sâu: 10 mét

Bến Tiên Sa 4: 185 mét, độ sâu: 11 mét

Bến Tiên Sa 5: 225 mét là bến liền bờ, độ sâu: 12 mét

Bến Tiên Sa 7a: 94 mét là bến liền bờ độ sâu: 5 mét

Bến Tiên Sa 7b: 85 mét là bến liền bờ độ sâu: 5 mét

* Cở tàu hàng tiếp nhận đến 50.000 DWT và các tàu chuyên dùng khác như: tàu RORO, tàu container, tàu khách loại lớn và vừa, tàu hàng siêu trường, siêu trọng.

* Năng lực thông qua trên 5 triệu tấn/năm.



Hình 5 : C u b n t i khu v c C ng Tiên Sa

* Cùng với đê chắn sóng dài 450 mét tạo điều kiện tàu cập cảng làm hàng quanh năm không bị ảnh hưởng bởi sóng và gió mùa.



Hình 6 : ê ch n sóng t i khu v c C ng Tiên Sa

Kho bãi

XN C ng Tiên Sa:

- Diện tích mặt bằng: 229.414 m²
- Tổng diện tích kho: 14.285 m² (Trong đó Kho CFS: 2.160m²)
- Tổng diện tích bãi: 178.603 m²



Hình 7 : Kho bãi Công ty Tiên Sa

Công ty c ph n Logistics Công à N ng:



- Diện tích mặt bằng: 51.037m²
- Tổng diện tích kho : 12.225m²
- Tổng diện tích bãi : 35.018m²



Hình 8 : Công ty c ph n logistics Công à N ng

V ph ng ti n thi t b :

B ng 9 : Ph ng ti n thi t b chính ph c v cho ho t ng kinh doanh Công ty c ph n Công à N ng

Hình nh	Tên thi t b	S l ng
	Cầu giàn (Quayside gantry crane) chuyên dùng bốc dỡ container (Gantry) ở cầu tàu, sức nâng: 36 tấn	02 chiếc
	Cầu khung bánh lốp (RTG) chuyên bốc dỡ container ở bãi sức nâng: 36-40 tấn	04 chiếc

	<p>Cầu cảng cố định (Liebherr) sức nâng 40 tấn Cầu cảng di động (Liebherr) sức nâng 25 tấn</p>	<p>02 chiếc 02 chiếc</p>
	<p>Xe nâng chuyên bốc dỡ container sức nâng 42 -45 tấn</p>	<p>05 chiếc</p>
	<p>Xe cạp gỗ 5 tấn</p>	<p>02 chiếc</p>
	<p>Cầu ô tô 25 tấn - 80 tấn</p>	<p>20 chiếc</p>
	<p>Nâng, xúc, đào, ủi các loại 1,5 tấn - 7tấn</p>	<p>30 chiếc</p>
	<p>Xe đầu kéo, xe ben, Romooc</p>	<p>55 chiếc</p>
	<p>Tàu kéo 500 cv - 1.700 cv</p>	<p>07 chiếc</p>
	<p>Cân điện tử</p>	<p>04 cân</p>
	<p>Hệ thống cung cấp điện container lạnh các loại</p>	<p>03 hệ</p>

Nguồn : Công ty c ph n C ng à N ng

H th ng ph n m m m ng

- Chương trình quản lý khai thác Container CATOS+PLTOS (nhập liệu trên thiết bị cầm tay và thiết bị gắn trên xe qua mạng wifi phủ sóng khắp kho bãi cảng);
- Chương trình quản lý khai thác hàng tổng hợp CTOS;
- Chương trình quản lý nhân sự, tính lương, thống kê sản lượng, kế toán;



Hình 9 : Giấy chứng nhận phù hợp của Cảng biển

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh Cảng Đà Nẵng luôn quan tâm và đầu tư cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ mới. Để thực hiện điều này, Công ty xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo hướng đồng bộ, công nghệ tiên tiến hiện đại là ưu tiên hàng đầu. Tiếp đến là đầu tư ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác cảng đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua Cảng đã luôn quan tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ

mới, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và cung cấp dịch vụ, qua đó góp phần gia tăng năng suất, cải tiến hình thức và chất lượng dịch vụ, đem lại hiệu quả cao hơn trong quá trình phục vụ khách hàng như:

- Về trang thiết bị: Đầu tư thiết bị cho hệ thống bốc xếp container (cầu khung RTG, xe reach stacker, rơ moóc chuyên dùng, đầu kéo chuyên dùng, phần mềm CATOS và phần cứng kết nối wifi khai thác hàng container...). Song song việc đầu tư công nghệ thiết bị cho hàng container Cảng cũng đã đầu tư công nghệ bốc xếp cho hàng rời và hàng tổng hợp với các trang thiết bị tiên tiến hiện đại (Cầu chạy ray di động Liebherr sức nâng 25 tấn gầu ngoạm hoa thị bốc hàng rời, phần mềm CTOS khai thác hàng tổng hợp và quản lý phương tiện thiết bị ...). Ngoài ra Cảng cũng đã thực hiện chuyển đổi công nghệ cho cầu khung bánh lốp RTG từ phát điện bằng động cơ Diesel sang dùng trực tiếp điện lưới quốc gia, việc này đã đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.



C u Gantry



C u RTG



C u Liebherr

Hình 10 : Các hình nh C u hàng c a C ng à N ng

- Riêng với mặt hàng dăm gỗ bạch đàn: Cảng đã đầu tư hệ thống sàn nâng xe để xuất dăm gỗ trực tiếp từ các xe vận tải xuống tàu. Đây là công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Cảng Đà Nẵng.

- Về xây dựng công trình: Với mục đích đáp ứng được khối lượng hàng hóa thông qua theo các kịch bản dự báo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Đà Nẵng và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn đến năm 2023, đồng thời đưa Cảng Tiên Sa trở thành cảng container hiện đại trong khu vực có khả năng tiếp nhận tàu container trọng tải với 50.000DWT và tàu khách trọng tải tới 100.000GT, đầu năm 2016 Cảng triển khai xây mới 1 bến mới tiếp nhận tàu container 50.000 DWT, tàu hàng tổng hợp đến 70.000 DWT và tàu khách đến 100.000 GT, diện tích kho bãi 8ha cùng với thiết bị khai thác chuyên dụng.



Hình 11 : Sơ đồ Quy hoạch Cảng Tiên Sa giai đoạn 2

Tiến độ dự kiến :

- Quý II-IV/2015 : Khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công.
- Quý I/2006 : Triển khai công tác thi công xây dựng.
- Quý IV/2017 : Hoàn thành xây dựng

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Trong thời gian qua nhìn chung Cảng Đà Nẵng đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng trong quá trình cung ứng sản phẩm dịch vụ, các thao tác tác nghiệp được thực hiện tương đối tốt khi bốc xếp hàng hóa tại tàu, kho bãi cũng như việc bảo quản lưu

kho bãi được an toàn, không bị mất mát hàng hóa của khách hàng, bố trí cầu bến hợp lý,... tuy nhiên bên cạnh đó Công ty vẫn còn một số tồn tại trong việc cung ứng dịch vụ và tác nghiệp cho khách hàng như thiếu phương tiện, thiết bị xếp dỡ hoặc cung ứng không kịp thời hoặc thiếu nguồn lao động do điều kiện sản xuất bất bình hành về tàu bè đi và đến Cảng,... Nhận thức được những tồn tại trên và xác định phương châm đảm bảo không ngừng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng bằng cách cung cấp dịch vụ ngày càng tốt hơn, xem khách hàng là người quyết định sự tồn tại và phát triển Cảng Đà Nẵng, Cảng luôn cố gắng xây dựng các chính sách về sản phẩm và chất lượng dịch vụ ngày một hoàn hảo hơn nhằm phục vụ tốt cho khách hàng cụ thể như:

Về sản phẩm: Xu thế hiện nay chủ tàu và khách hàng thường phải sử dụng phương tiện vận chuyển cỡ lớn, nhu cầu đòi hỏi cần có độ sâu mớn nước phù hợp, cầu bến an toàn và đảm bảo đủ độ sâu luồng dẫn tàu để tàu vào cập cầu an toàn. Từ đó, Cảng đã và đang thực hiện kế hoạch nạo vét để việc đưa tàu của khách hàng cập cảng được thuận lợi, hàng hóa qua Cảng không hao hụt số lượng, suy giảm chất lượng.

Bên cạnh đó Cảng thực hiện việc sản xuất, giám sát thực hiện, nghiệm thu bàn giao sản phẩm đưa vào sử dụng, bảo hành sản phẩm theo Quy trình ISO – 9001:2000 mà Cảng đang áp dụng trong công tác sửa chữa cơ khí, gia công mới và mua sắm sản phẩm. Đảm bảo các bộ phận thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo những nguyên tắc và tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000, cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo các nguồn lực và duy trì hệ thống...

B ph n ki m tra ch t l ng c a Công ty

Phòng Kinh doanh là đầu mối kiểm tra và ghi nhận chất lượng của dịch vụ cung ứng cho khách hàng, đồng thời Ban quản lý chất lượng ISO của Công ty có nhiệm vụ tổng hợp và điều chỉnh quy trình tác nghiệp nhằm mục tiêu cung ứng dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng.

- Đối với luồng trước bến và sửa chữa công trình: Định kỳ 06 tháng khảo sát độ sâu khu nước trước bến và kiểm tra thêm khi cần thiết, thường xuyên duy tu sửa chữa kho, bãi, đệm tựa tàu,... đảm bảo phục vụ nhu cầu khách hàng.

- Không ngừng cải tiến và hoàn thiện công nghệ xếp dỡ, công tác quản lý và nguồn lực nhằm tăng năng suất, giảm thời gian chờ đợi của khách hàng.

- Từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2010 để bảo vệ môi trường, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bền vững.

6.7 Ho t ng Marketing

Bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, Cảng Đà Nẵng cũng luôn quan tâm tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Cảng Đà Nẵng, thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty ngày một nhiều, qua đó sẽ thúc

đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Cảng Đà Nẵng. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số giải pháp như :

- ✚ Luôn giữ mối quan hệ với khách hàng truyền thống, bên cạnh đó, phòng kinh doanh luôn hướng đến việc tìm kiếm, mở rộng đối tượng khách hàng mới.
- ✚ Thông qua các bạn hàng, đối tác, thực hiện marketing trong chính quá trình bán hàng và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng hậu cung cấp dịch vụ nhằm không ngừng khẳng định và nâng cao hình ảnh của Công ty trong ngành hàng hải Việt Nam và khu vực ...
- ✚ Ban lãnh đạo xây dựng chính sách giá cả linh hoạt, hợp lý tại các thời điểm khác nhau, có chính sách hoa hồng..
- ✚ Về quảng cáo : sử dụng internet như công ty xây dựng website, tăng cường quảng bá hình ảnh và sản phẩm của Công ty trên website, quảng cáo trên tạp chí ngành, In catalogue.
- ✚ Tham gia một số hội nghị, hội thảo ngành nghề, tham gia làm thành viên trên các diễn đàn ...

6.8 Nhãn hi u th ng m i, ng ký phát minh sáng ch , b n quy n

Công ty đã nộp đơn đăng ký **nhãn hi u DANANG PORT** đến Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ có hiệu lực từ ngày 08/11/2013.

Biểu tượng :



Nhằm chuyên nghiệp hóa hình ảnh Cảng Đà Nẵng, Ban lãnh đạo công ty trong thời gian vừa qua đã xây dựng hệ thống nhận dạng thương hiệu, định hướng và tuyên ngôn về sự phát triển công ty.

Các giá trị đề ra : “ Chính trực – Tận tâm – Sáng tạo – Tôn trọng cá nhân”.

Từ các giá trị đó, Cảng Đà Nẵng đề cao nhân tố con người qua triết lý kinh doanh “Con người là nền tảng của phát triển”.

Viễn cảnh mà Cảng Đà Nẵng muốn hướng tới “Cảng Đà Nẵng phấn đấu không ngừng cho sự thông suốt, nhanh chóng, an toàn của các dòng vật chất, con người và văn hóa vì tin rằng điều đó sẽ tạo nên sự thịnh vượng”.

Đi cùng viễn cảnh là sứ mệnh : “Khát vọng của Cảng Đà Nẵng là trở thành cửa ngõ giao thương quốc tế hàng đầu của khu vực bằng cách cung cấp các dịch vụ cảng biển hoàn hảo và kết nối các hoạt động trong chuỗi logistics. Bằng công nghệ hiện đại và sự tận tâm, Cảng Đà Nẵng sẽ đóng góp vào sự thịnh vượng của khách hàng và đối tác. Cùng với nhau, Cảng Đà Nẵng xây dựng môi trường làm việc khích lệ sự sáng tạo, đảm bảo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi thành viên và tạo giá trị cho cổ đông. Cảng Đà Nẵng tự hào vì những đóng góp của mình làm gia tăng vị thế của địa phương, sự phồn vinh của cộng đồng trên nguyên tắc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững”.

Xuyên suốt với các tuyên bố sứ mệnh, viễn cảnh và giá trị cốt lõi đó, slogan của Cảng Đà Nẵng được đúc kết và bao hàm các giá trị trên :

õK t n i vì s th nh v ngö

6.9 Các h p ng l n ang c th c hi n ho c ã c ký k t

B ng 10 : Các h p ng l n ang c th c hi n ho c ã c ký k t n m 2016

STT	Tên h p ng	Giá tr h p ng	Th i i m ký k t	S n ph m	i tác trong H
1	HĐ số 46/HĐ-N2016	Theo lượng hàng hóa thực tế thông qua cảng	1/1/2016	Cung cấp dịch vụ xếp dỡ, giao nhận và lưu chứa container năm 2016 – 2018	Công ty TNHH Maersk Việt Nam - Đại lý cho Tập đoàn Maersk Lines A/S và MCC Singapore
2	HĐ số 93/HĐKT-N2016	Theo lượng hàng hóa thực tế thông qua cảng	1/1/2016	Cung cấp dịch vụ xếp dỡ, giao nhận và lưu chứa container năm 2016 – 2018	Công ty TNHH Wanhai Việt Nam – Đại lý cho Wanhai Lines Ltd
3	HĐ số 98/HĐKT-N2016	Theo lượng hàng hóa thực tế thông qua cảng	1/1/2016	Cung cấp dịch vụ xếp dỡ, giao nhận và lưu chứa container năm 2016 – 2018	Công ty CP Asiatrans Việt Nam – Đại lý hãng tàu Samudera Singapore
4	HĐ số 91/HĐ-N2016	Theo lượng hàng hóa thực tế thông qua cảng	1/1/2016	Cung cấp dịch vụ xếp dỡ, giao nhận và lưu chứa hàng hóa năm 2016 – 2018	Công ty TNHH SITC Việt Nam – Đại lý cho SITC Container Lines Co., Ltd - Hongkong
5	HĐ số 880/2016/HĐXD	2.893.002.000 VNĐ	30/6/2016	Nạo vét duy tu khu nước trước bến số 2, số 3, số 4 năm 2016 tại Cảng Tiên Sa	Công ty CP Nạo vét và Xây dựng Thái Bình Dương

6	HĐ số 885/2016/HĐXL	13.440.000.000 VNĐ	18/8/2016	Đầu tư xây dựng một số hạng mục tại cầu 3 – Cảng Tiên Sa tiếp nhận tàu khách đến 150.000 GT	Liên Danh Công ty TNHH Xây dựng Chân Nam và Công ty CP Kinh tế - Kỹ thuật
7	HĐ số 881/2016/HĐXL	559.901.003.697 VNĐ	28/7/2016	Xây dựng cầu cảng, nạo vét khu nước trước bến thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng dự án Tiên Sa GD II	Liên Danh Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân – Công ty CP Xây dựng Công trình Thủy Hà Nội
8	HĐ số 01/DANANG PORT/KIROW ARDELT/2015	2.850.000 EUR và 1.390.000 USD	28/9/2015	Đầu tư 01 cầu bốc hàng container di chuyển trên ray	KIROW ARDELT GMBH

(Nguồn: Công ty cổ phần Công nghệ và Năng lượng)

7 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 02 năm gần nhất và lý do biến động

7.1 Tóm tắt những chỉ tiêu và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm gần nhất và lý do biến động

Bảng 11: Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ Tiêu	25/07/2014-31/12/2014 (Giai đoạn CTCP)	Năm 2015	% tăng giảm (***)
	Hợp nhất	Hợp nhất	
Tổng giá trị tài sản	1.011.025.017	993.672.302	/
Vốn chủ sở hữu	734.938.743	816.053.487	/
Doanh thu thuần	251.576.803	573.239.340	/
Lợi nhuận từ HĐKD	52.758.676	166.254.000	/
Lợi nhuận khác	3.035.170	1.732.905	/

Lợi nhuận trước thuế	55.793.846	167.986.906	/
Lợi nhuận sau thuế	43.546.128	131.194.280	/
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	40.750.073	124.980.888	/
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.796.056	6.213.393	/
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	47,23%	47,52%	/
Tỷ lệ LNST/VCSH (**)	5,83%	16,93%	/

(Ngu n : BCTC h p nh t giai o n 25/07/2014 ó 31/12/2014 ã ki m toán, BCTC h p nh t n m 2015 ã ki m toán)

(*) T l l i nhu n tr c t c (h p nh t) c tính trên l i nhu n sau thu c a c ông công ty m trên báo cáo tài chính h p nh t.

(**) T l LNST/VCSH (h p nh t) c tính b ng l i nhu n sau thu c a c ông công ty m chia cho v n ch s h u bình quân. (sau khi ã lo i tr l i ích c a c ông thi u s)

(***) Không tính % t ng gi m n m 2015 so v i n m 2014 do k so sánh không t ng ng.

B ng 12 : K t qu ho t ng kinh doanh công ty m

n v tính: 1.000 ng

Ch Tiêu	01/10/2013- 24/07/2014 (Giai o n CT TNHH)	25/07/2014- 31/12/2014 (Giai o n CTCP)	N m 2015	% T ng gi m	09 tháng u n m 2016
Tổng giá trị tài sản	965.908.454	960.029.497	937.917.294	/	1.009.073.467
Vốn chủ sở hữu	660.000.000	696.659.611	769.677.752	/	822.608.172
Doanh thu thuần	369.650.932	192.816.423	479.456.943	/	405.742.198
Lợi nhuận từ HĐKD	57.322.668	46.319.487	151.832.873	/	121.574.581
Lợi nhuận khác	477.247	680.078	1.548.861	/	459.827
Lợi nhuận trước thuế	57.799.916	46.999.565	153.381.734	/	122.034.408
Lợi nhuận sau thuế	45.876.949	36.659.611	120.845.304	/	97.614.182
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	-	52,51%	49,15%	/	-
Tỷ lệ LNST/VCSH (**)	8,04%	5,26%	16,48%	/	11,86%

(Ngu n : BCTC riêng giai o n 01/10/2014-24/7/2014 ã ki m toán, BCTC riêng giai o n 25/7/2014-31/12/2014 ã ki m toán, BCTC riêng n m 2015 ã ki m toán và BCTC Quý III/2016)

Doanh thu thuần của công ty qua các năm có xu hướng tăng nhưng không nhiều. Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2016 đạt hơn 405,7 tỷ đồng, bằng 84,6% năm 2015. Tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lại tăng tương đối khả quan. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2015 đạt hơn 151,8 tỷ đồng và 09 tháng đầu năm đạt xấp xỉ 121,6 tỷ đồng, bằng 80,1% so với cả năm 2015. Nguyên nhân là sau cổ phần hóa, công ty có những biện pháp và chính sách quản lý hợp lý trong quản lý nhân công, chi phí đầu vào như ký hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên nhiên liệu gởi hàng tại kho của Cảng Đà Nẵng để tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí khấu hao giảm, cơ sở hạ tầng và thiết bị được đầu tư mới tạo năng suất cao hơn... đã làm cho tổng giá vốn hàng bán giảm xuống, tổng chi phí có xu hướng giảm dần dẫn đến gia tăng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

7.2 Các nhân t nh h ng n ho t ng s n xu t kinh doanh c a công ty trong n m 2015

Thu n l i :

- ✚ Kinh tế Việt Nam năm 2015 có mức phục hồi cao và đạt được tăng trưởng GDP 6,68%, tăng cao nhất trong 05 năm gần đây. Hoạt động kinh doanh cảng biển diễn ra sôi động trên cả nước với nhu cầu về dịch vụ cảng biển tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao.
- ✚ Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng có bề dày hoạt động, có đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ quản lý chuyên sâu; cơ sở hạ tầng và thiết bị được đầu tư đồng bộ đang phát huy hiệu quả, trong đó có một bến container hiện đại nhất miền Trung..
- ✚ Công ty có vị trí địa lý thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh: Cảng nằm trong vịnh Đà Nẵng kín gió, có thể khai thác tàu, hàng quanh năm. Hiện tại trên địa bàn thành phố ít có đối thủ cạnh tranh;
- ✚ Có hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng với Quốc lộ 1, Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt kết nối vùng hậu phương với Cảng thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực.
- ✚ Nhờ định hướng phát triển Cảng theo hướng dịch vụ container, tàu khách, tàu hàng có trọng tải lớn, do đó các nguồn lực đầu tư đã và đang phát huy hiệu quả tốt.
- ✚ Có thị trường ổn định và tăng trưởng, khách hàng gắn bó với Cảng, có thương hiệu tốt, công tác Marketing, PR của Cảng khá hiệu quả, Tình hình tài chính lành mạnh.
- ✚ Cảng Đà Nẵng luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của UBND Thành phố Đà Nẵng, các bộ, ban ngành, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trong công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp, luôn theo dõi, động viên khuyến khích Công ty phát triển, và có thể mạnh trong việc thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với bạn hàng, đối tác trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Bên c nh nh ng thu n l i, công ty c ng g p m t s khó kh n nan gi i nh :

- ✚ Diện tích kho bãi Cảng Tiên sa chỉ đủ cho phục vụ hàng container và một lượng hàng tổng hợp nhất định. Nay phải gánh thêm lượng hàng từ Cảng Sông Hàn chuyển sang đã làm cho việc giải phóng tàu trở nên khó khăn hơn.
- ✚ Sản lượng hàng hoá qua cảng áp lực ngày càng tăng cao trong lúc chiều dài cầu bến giảm do giải toả Cảng Sông Hàn. Trong lúc đó công tác đầu tư thiết bị trên cảng chưa kịp thời. Đôi lúc tàu phải chờ cầu làm cho khách hàng chưa thoả mãn.
- ✚ Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển khá lớn, trong lúc tích lũy vốn từ nội tại Công ty chưa cao, thu hút vốn từ bên ngoài cho đầu tư gặp khó khăn.
- ✚ Về nguồn nhân lực, hiện nay năng suất lao động ở Cảng Đà Nẵng khá cao, tuy nhiên cơ cấu và chất lượng lao động ở một số bộ phận còn bất cập, dẫn đến chất lượng một số dịch vụ chưa cao.

8 V th c a Công ty so v i các Doanh nghi p khác trong cùng ngành

V th Công ty so v i các Doanh nghi p khác trong cùng ngành trong ngành

Cảng Đà Nẵng nằm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, một thành phố năng động đóng vai trò trung tâm về kinh tế - xã hội của miền Trung - Việt Nam và cũng là một thành phố du lịch ngày càng phát triển đã và đang thu hút một số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước, bên cạnh đó với vị trí địa lý nằm trong vịnh Đà Nẵng, được bao bọc bởi đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà, kín gió cùng với đê chắn sóng dài 450 mét Cảng Đà Nẵng có nhiều thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu và làm hàng quanh năm. Cảng Đà Nẵng cũng là cảng nằm ở vị trí trung độ của cả nước là điểm giữa các tuyến giao thông Bắc-Nam, nằm gần với đường hàng hải quốc tế, hệ thống giao thông ra vào Cảng rộng và thông thoáng đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa khi đến Cảng Đà Nẵng. Với vai trò cửa ngõ thông ra biển cho các nước thuộc khu vực Hành lang kinh tế Đông Tây, các tỉnh, thành miền Trung Việt Nam: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng cùng Quảng Nam, Quảng Ngãi...vừa là đầu ra, vừa là đầu vào quan trọng cho hàng hóa của Thái Lan, Myanmar, Lào và các nước lân cận như Trung Quốc, Campuchia, Cảng Đà Nẵng đóng vai trò là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dịch vụ logistics trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng Đà Nẵng với Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt, Vùng hậu phương rất rộng rãi và thông thoáng, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực.

Với lịch sử trên 100 năm hình thành và phát triển, hiện tại Cảng Đà Nẵng là cảng biển lớn nhất khu vực miền Trung Việt Nam. Theo thống kê của Hiệp hội cảng biển Việt Nam, Cảng Tiên Sa thuộc Cảng Đà Nẵng là cảng nước sâu nhất trong khu vực miền Trung với trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận là 45.000 DWT. Về khối lượng hàng hóa thông qua, Cảng Đà Nẵng là cảng đứng thứ hai sau Cảng Quy Nhơn trong khu vực cảng miền Trung. Cảng Đà Nẵng còn đứng đầu trong hệ thống cảng miền Trung về khối lượng hàng hóa chuyên chở nội địa với số lượng hàng hóa chuyên chở nội địa. Năm 2015 vừa qua, sản lượng hàng hóa qua Cảng Đà Nẵng đạt 6.406.000 tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, sản lượng hàng container năm 2015 đạt 258.000 Teus, tăng 15,71% so với cùng kỳ. Song song với việc phát triển cảng hàng hóa, Cảng Đà Nẵng cũng là một trong những cảng du lịch nổi tiếng ở Việt Nam. Cảng Đà Nẵng cũng đã đón 58 lượt tàu

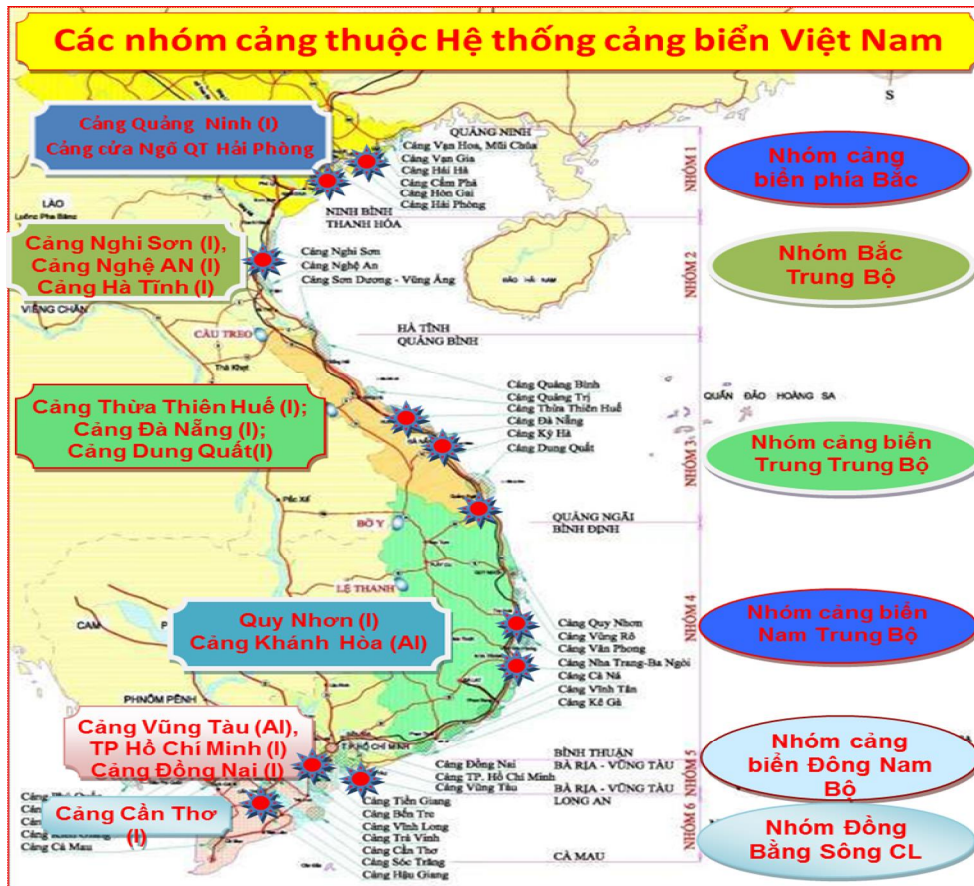
khách với khoảng 52.000 lượt khách du lịch và thuyền viên, đóng góp vào thành công chung của ngành du lịch thành phố. Năm 2015 cũng ghi nhận Cảng Đà Nẵng đạt mức doanh thu cao nhất với 525 tỷ đồng, đóng góp ngân sách nhà nước của Cảng Đà Nẵng trong năm 2015 tiếp tục tăng 11 % so với cùng kỳ.

Ngày 31/7/2016, Công ty CP Cảng Đà Nẵng chính thức khởi công Dự án mở rộng cảng Tiên Sa giai đoạn 2, với mục tiêu đưa cảng này trở thành cảng container hiện đại trong khu vực, có khả năng tiếp nhận tàu container và tàu trọng tải lớn theo đúng định hướng đã đề ra.

Triển vọng phát triển của ngành

Là một quốc gia nằm ở vị trí thuận lợi ven biển, Việt Nam có nhiều điều kiện để phát triển ngành kinh tế cảng biển, hiện tại hệ thống cảng biển của nước ta trải dài khắp cả nước với 44 cảng biển (14 cảng biển loại I, 17 cảng biển loại II và 13 cảng biển loại III), có 219 bến cảng và 373 cầu cảng, trong đó có nhiều cảng biển có tiềm năng và lợi thế lớn.

Về mặt định hướng: Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” của Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá X đã nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”, mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 kinh tế trên biển và ven biển sẽ đóng góp khoảng 53 – 55% tổng GDP của cả nước.



Hình 12 : Các nhóm cảng thuộc Hệ thống cảng biển Việt Nam

Tại Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 15/10/2009, mục tiêu về hệ thống cảng biển đã được xác định cho giai đoạn 2020, định hướng đến 2030 là tập trung phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng. Tiếp theo đó, tại Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 cũng đã xác định mục tiêu phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật nhanh chóng để đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước; hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển. Đặc biệt trong quy hoạch nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (nhóm 3), Cảng Đà Nẵng được đầu tư là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I), về lâu dài có thể phát triển để đảm nhận vai trò cửa ngõ quốc tế ở khu vực miền Trung.

Sau hơn 4 năm triển khai quy hoạch, vừa qua, Bộ Giao thông Vận tải cũng đã giao Cục Hàng hải Việt Nam rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế, theo đó lần quy hoạch này vẫn tập trung phát triển hệ thống cảng biển để nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống.

Tổng hợp các yếu tố nêu trên đã khẳng định tiềm năng phát triển to lớn ngành hàng hải nói chung và kinh doanh khai thác cảng biển nói riêng trong tương lai.

So sánh v ình hình tài chính và ho t ìng kinh doanh c a các doanh nghi p trong cùng ngành

Trong 4 tháng đầu năm 2016, sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Việt Nam ước đạt 158,3 triệu tấn, tăng 21% so với cùng kỳ, trong đó hàng công-te-nơ đạt 5,61 triệu TEUs, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2015.

Theo Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (HHVN) Nguyễn Xuân Sang, nhiều bến cảng tổng hợp, container của các cảng biển như: Quảng Ninh; Hải Phòng; Nghi Sơn - Thanh Hóa; Vũng Áng; Đà Nẵng; Dung Quất - Quảng Ngãi; Quy Nhơn; Hồ Chí Minh đã có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải 30.000DWT và tàu trọng tải đến 75.000DWT giám tải.

Riêng đối với bến cảng chuyên dùng Vũng Áng của Formosa có khả năng tiếp nhận tàu hàng rời đến 200.000DWT, còn nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân được thiết kế cho tàu 150.000DWT; khu vực Cái Mép tiếp nhận tàu trọng tải 80.000-100.000DWT.³

So sánh về tình hình hoạt động kinh doanh của Cảng Đà Nẵng với một số doanh nghiệp cùng ngành.

B ng 13 : B ng so sánh tình hình ho t ng kinh doanh các C ng

n v tính : 1.000 ng

Tiêu chí	C ng à N ng (đ ki n niên y t t i HNX)	C ng ng Nai (HOSE)	C ng Quy Nh n (CCNY)	C ng Cát Lái (HOSE)	C ng ình V (HOSE)	C ng H i Phòng (HNX)
V n i u l	660.000.000	123.479.870	404.099.500	340.000.000	400.000.000	3.269.600.000
VCSH	795.423.423	342.619.345	469.914.734	539.516.190	870.177.279	3.734.909.739
VCSH bình quân	782.550.588	338.784.125	480.662.574	548.077.392	904.674.279	3.747.686.051
T ng tài s n	995.742.769	657.049.320	540.981.902	670.568.754	1.030.992.476	5.130.635.964
T ng tài s n bình quân	966.830.032	650.404.748	538.353.048	694.080.677	1.073.135.161	5.205.371.625
DT BH&CCDV l y k n 30/06/2016	269.580.387	186.416.699	236.615.968	147.035.620	309.962.044	1.179.485.773
LNST l y k 30/06/2016	70.429.433	30.805.262	30.859.492	44.718.682	143.506.000	297.587.558
ROA	7,28%	4,74%	5,73%	6,44%	13,37%	5,72%
ROE	9,00%	9,09%	6,42%	8,16%	15,86%	7,94%
BV	12,052	27,746	11,628	15,868	21,754	12,900
EPS	1,067	2,329	0,764	1,249	3,588	0,601

(Ngu n : Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2016 c a các công ty trên, c công b trên ph ng ti n thông tin i chúng)

ánh giá v s phù h p nh h ng phát tri n c a Công ty v i nh h ng c a ngành, chính sách c a Nhà n c và xu th chung c a th gi i

Trong quy hoạch nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (nhóm 3), Cảng Đà Nẵng được đầu tư là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I), về lâu dài có thể phát triển để đảm nhận vai trò cửa ngõ quốc tế ở khu vực miền Trung. Trong chiến lược phát triển kinh tế, Đà Nẵng nỗ lực hướng tới là trung tâm dịch vụ của khu vực, trong đó có ngành dịch vụ quan trọng logistics. Cảng Đà Nẵng là một khâu quan trọng trong tiến trình đưa

³ <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2016-06-11/hang-hoa-thong-qua-he-thong-cang-bien-viet-nam-dat-hon-158-trieu-tan-32541.aspx>

Đà Nẵng thành trung tâm logistics, vì vậy định vị phát triển cảng Đà Nẵng có ý nghĩa quan trọng với Đà Nẵng.

Chính vì thế, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

9 Chính sách i v i ng i lao ng

9.1 S l ng, trình chuyên môn, nghi p v c a CBCNV :

Số lượng lao động tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng tại thời điểm 30/09/2016 là: 587 người, cụ thể như sau :

B ng 14 : Tình hình lao ng c a Công ty t i ngày 30/09/2016

Phân lo i lao ng	T i ngày 30/09/2016	
	S l ng (ng i)	T l %
I. Theo trình Lao ng	587	100
1. Trình độ trên Đại Học	21	3,58
2. Trình độ Đại Học	121	20,62
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	41	6,98
4. Lao động khác	404	68,82
II. Theo tính ch t c a h p ng lao ng		
1. Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	0	0
2. Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm	13	2,21
3. Hợp đồng không xác định thời hạn	574	97,79

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

9.2 Chính sách i v i ng i lao ng :

Chính sách i v i ng i lao ng: Chính sách đối với người lao động của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng được áp dụng theo qui định của Bộ Luật lao động và điều kiện thực tế của Công ty. Các nội dung về chính sách ưu đãi cho người lao động được cụ thể hóa trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, trong đó các chế độ như: chế độ lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, bảo hộ lao động... luôn được quan tâm thực hiện.

i u ki n làm vi c: Công ty luôn quan tâm chăm lo cải thiện điều kiện làm việc của người lao động. Công ty cấp đồng phục cho CBCNV, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện khích lệ sự sáng tạo, đảm bảo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi thành viên để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

Ch l ng: Công ty thực hiện việc trả lương cho nhân viên dựa vào năng lực, chức trách nhiệm vụ, kết quả thực hiện công việc của nhân viên và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương hàng năm cho CBCNV và quan tâm thường xuyên đến việc cải thiện, nâng cao thu nhập, đời sống CBCNV.

Ch th ng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty tích cực gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng xứng đáng, thiết thực cho người lao động. Ngoài các đợt khen thưởng hàng quý, năm còn có thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật hoặc cải tiến quản lý mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Việc khen thưởng được thực hiện thường xuyên, kịp thời đã khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh của Công ty.

10 Chính sách c t c

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 là 7% vốn điều lệ thực góp với tổng giá trị chi trả cho 05 tháng cuối năm 2014 là 19.250.000.000 đồng.

Năm 2015, tỷ lệ chi trả cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua là 9%. Ngày 30/09/2015, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 4%, đợt 2 là 5% được thực hiện vào ngày 15/06/2016.

Công ty thực hiện chính sách cổ tức theo định hướng: ổn định và tăng trưởng bền vững. Cổ tức dự kiến năm 2016 là 10%. Công ty chi trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác ngay khi trả cổ tức cho cổ đông. Việc phân chia cổ tức cho các cổ đông, trích lập các quỹ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khoa học công nghệ, ... do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

11 Tình hình ho t ng tài chính

11.1 Các ch tiêu c b n

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trích kh u hao Tài s n c nh

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

Lo i tài s n	Th i gian kh u hao (n m)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-44
Máy móc thiết bị	04-20
Phương tiện vận tải	03-14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định (lâu dài), trả tiền thuê sử dụng đất hàng năm không khấu hao.

M c l ng bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ Công nhân viên Cảng Đà Nẵng 09 tháng đầu năm 2015 (tiền lương và tiền thưởng): 16.059.485 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập chung tốt so với một số doanh nghiệp cùng ngành trong cùng địa bàn.

Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện tốt. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2015, và 09 tháng đầu năm 2016, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật:

B ng 15 : Các khoản phải nộp theo luật

n v : 1.000 ng

Ch tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
Thuế giá trị gia tăng	-	755.065	725.868	1.332.713	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.469.953	4.310.870	13.085.441	14.266.830	9.456.807
Thuế thu nhập cá nhân	2.179.266	2.294.690	1.309.549	1.624.647	119.285
Thuế nhà đất, thuế tiền đất	-	-	-	-	1.129.133
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	71.371	71.371	-	-	-
C ng	5.720.591	7.431.996	15.120.859	17.224.190	10.705.227

(Ngu n : BCTC riêng và h p nh t ã ki m toán 2015, BCTC quý III n m 2016 c a Công ty c ph n C ng à N ng)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trích lập các Quỹ theo luật:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ thể hiện tại báo cáo tài chính hợp nhất các giai đoạn như sau :

B ng 16 : S d các qu

n v : 1.000 ng

Ch tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
	Công ty	Hợp nhất	Công ty	Hợp nhất	

	mẹ		mẹ		
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.451.736	2.037.359	6.611.801	51.075.383
Quỹ dự phòng tài chính	-	635.828	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.597.576	38.249.761	14.520.581	14.907.838	11.937.337

(Ngu n : BCTC riêng và h p nh t ã ki m toán 2015, BCTC quý III n m 2016)

T ng d n vay:

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, Công ty đã thực hiện các khoản vay với các ngân hàng thương mại và vay ngân hàng phát triển Việt Nam (thông qua nguồn vốn JICA của chính phủ Nhật Bản). Công ty thực hiện tốt việc hoàn trả gốc và lãi vay đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Các công ty con của Cảng Đà Nẵng hoạt động chủ yếu từ nguồn vốn tự có. Số dư các khoản vay của Cảng Đà Nẵng tại các thời điểm trên các báo cáo cụ thể như sau :

B ng 17 : Các kho n d n vay

n v tính : 1.000 ng

Kho n m c	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
	Công ty m	H p nh t	Công ty m	H p nh t	
I. Vay và n ng n h n	13.196.768	13.196.768	13.196.768	13.596.768	32.557.397
Vay ng n h n	-	-	-	400.000	32.557.397
- Ngân hàng ngo i th ng ó CN à N ng	-	-	-	400.000	
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (JPY)	-	-	-	-	13.087.997
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (VN)	-	-	-	-	2.469.400
- Ngân hàng CP u t và phát tri n Vi t Nam (VND)	-	-	-	-	17.000.000
Vay dài h n n h n tr	13.196.768	13.196.768	13.196.768	13.196.768	-
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (JPY)	10.727.368	10.727.368	10.727.368	10.727.368	-
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (VN)	2.469.400	2.469.400	2.469.400	2.469.400	-
II. Vay và n dài h n	90.757.171	90.757.171	77.570.006	77.570.006	78.527.987
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (JPY)*	85.818.299	85.818.299	75.100.606	75.100.606	78.527.987
- Ngân hàng phát tri n Vi t Nam- CN à N ng (VN)**	4.938.872	4.938.872	2.469.400	2.469.400	-
T ng c ng	103.953.939	103.953.939	90.766.774	91.166.774	111.085.384

(Ngu n : BCTC riêng và h p nh t ã ki m toán 2015, BCTC quý III 2016)

(*) : Hợp đồng vay vốn JBIC số 67/HĐ TDNN ngày 24/09/2002 với ngân hàng phát triển Đà Nẵng cho dự án mở rộng cảng Tiên Sa Đà Nẵng giai đoạn 1999-2004, tổng mức vốn vay 1.781 triệu Yên Nhật (JPY) cộng 0,1% trên giá trị rút vốn, lãi suất vay 2%/năm trên số dư nợ vay, thời hạn vay 20 năm, thời gian ân hạn 05 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) : Đây là khoản tiền thuế nhập khẩu đối với phần mua sắm thiết bị hình thành từ nguồn vốn vay OECF của Nhật Bản cho Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng thông qua hợp đồng cho vay lại số 05/2000/UQ/BTC-TCĐN ngày 15/08/2000. Ngày 25/01/2014, Bộ giao thông vận tải đã có văn bản số 1071/BGTVT-TC về việc yêu cầu báo cáo khả năng tài chính và đề xuất phương án thu hồi thuế nhập khẩu gói thầu số 3- Dự án Cảng Tiên Sa Đà Nẵng, theo đó Bộ giao thông vận tải quyết định áp dụng cơ chế Công ty nhận vay lại đối với phần chi phí trả thuế nhập khẩu, lãi suất vay 0%/ năm trên số dư nợ vay, thời hạn vay 03 năm.

Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Bảng 18 : Các khoản phải thu

Đơn vị: 1.000 đồng

Khoản mục	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	55.035.150	68.079.914	74.981.114	81.590.714	133.547.452
Phải thu của khách hàng	42.055.053	54.073.377	59.523.211	67.436.005	65.326.068
Trả trước cho người bán	3.677.193	5.835.643	11.776.826	11.905.726	59.199.445
Dự phòng phải thu khó đòi	(540.428)	(2.692.981)	(799.061)	(3.156.146)	(1.172.819)
Các khoản phải thu khác	9.843.332	10.863.875	4.480.138	5.405.129	10.194.757
II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	479.975	-
Tổng cộng	55.035.150	68.079.914	74.981.114	82.070.689	133.547.452

(*Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã kiểm toán 2015, BCTC quý III năm 2016*)

V các khoản phải thu khách hàng : Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Cảng Đà Nẵng thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng, tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với khoản phải thu tồn đọng. Bên cạnh đó, công ty thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi nghiêm túc. Tại công ty mẹ thì phần dự phòng này thấp, chủ yếu là các khoản dự phòng nợ khó đòi tại các công ty con, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là tại Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng trong năm 2015.

Chi tiết các khoản mục phải thu có giá trị lớn của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng tại thời điểm 30/09/2016, cụ thể như sau :

✚ Khoản phải thu của khách hàng :

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN CÔNG TY	D N T I 30/09/2016
1	Waihai Lines Ltd	4.336.106.757

2	Công ty TNHH Maersk Việt Nam	5.295.134.358
3	Công ty Cổ phần Thép Dana-Úc	3.291.917.047
4	Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	3.608.130.341
5	Các khách hàng khác	48.794.779.989
	T NG C NG	65.326.068.492

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

✚ Khoản trả trước cho người bán :

n v tính : ng

STT	KHO N M C	D N T I 30/09/2016
1	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	37.968.499.692
2	Công ty CP Xây Dựng Công Trình Thủy Hà Nội	15.355.405.422
3	Công ty Cổ Phần Kinh Tế - Kỹ Thuật	1.474.836.000
4	Công ty TNHH Xây Dựng Chân Nam	1.213.164.000
5	Các nhà cung cấp khác	3.187.540.441
	T NG C NG	59.199.445.555

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

✚ Phải thu ngắn hạn khác :

n v tính : ng

STT	KHO N M C	PH I THU N 30/09/2016
1	Phải thu người lao động	412.927.436
2	Lãi dự thu	7.647.538.600
3	Tạm ứng	2.047.795.610
4	Phải thu khác	86.495.991
	T NG C NG	10.194.757.637

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

✚ Dự phòng nợ xấu, nợ khó đòi :

n v tính : ng

STT	TÊN CÔNG TY	TH I GIAN QUÁ H N	GIÁ G C	D PHÒNG 30/09/2016	GIÁ TR CÓ TH THU H I
1	Công ty CP vận tải hoa phượng đỏ	Trên 03 năm	70.059.000	70.059.000	-
2	Công ty CP Tân Lộc Xanh	Trên 03 năm	51.866.030	51.866.030	-

3	Cty CP XD TM&DV THA	Trên 03 năm	110.000.000	110.000.000	-
4	Cty TNHH MTV SX TMDV Long Bảo An	Trên 03 năm	37.371.000	37.371.000	-
5	Cty TNHH Nam Vạn Lý	Từ 1 -2 năm	892.597.523	446.298.762	446.298.762
6	Cty CP Đồng xanh	Trên 03 năm	63.122.695	63.122.695	
7	Cty TNHH Vận tải biển Hải Nam	Trên 03 năm	20.343.020	20.343.020	
8	Cty CP Đầu tư Hồng Hoàng Hồng	06 tháng -1 năm	36.000.000	10.800.000	25.200.000
9	Ông Huỳnh Khổng	06 tháng -1 năm	41.124.454	20.562.227	20.562.227
10	Cty TNHH HanJin Shipping Việt Nam	Đang làm thủ tục phá sản	684.793.492	342.396.746	342.396.746
	T NG C NG		2.007.277.214	1.172.819.480	834.457.734

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

Hàng t n kho :

B ng 19. Hàng t n kho

n v tính: 1000 ng

STT	KHO N M C	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
		Công ty m	H p nh t	Công ty m	H p nh t	
1	Nguyên vật liệu	4.248.420	6.250.889	6.484.776	7.718.164	7.734.974
2	Công cụ và dụng cụ	2.803.768	3.211.395	336.784	425.876	203.249
3	Hàng hóa	38.962	771.453	58.276	500.045	86.393
4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		936.915		1.066.018	
	T NG C NG	7.091.150	11.170.652	6.879.836	9.710.103	8.024.616

(Ngu n : BCTC riêng và h p nh t ã k i m toán 2015, BCTC quý III n m 2016)

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu như xăng, lốp xe các loại, dầu phụ, phụ tùng thay thế, nhập xuất kho thường xuyên nên thời gian tồn kho ngắn dẫn đến giá trị của hàng tồn kho không thay đổi nhiều so với giá trị thị trường, nên công ty không trích lập dự phòng.

Các kho n ph i tr

B ng 20 : Các kho n ph i tr

n v : 1.000 ng

Ch tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016
	Công ty m	H p nh t	Công ty m	H p nh t	
N ng n h n	172.599.987	184.366.355	90.669.535	98.792.815	107.937.308
Vay và nợ ngắn hạn	13.196.768	13.196.768	13.196.768	13.596.768	32.557.397
Phải trả cho người bán	37.666.911	39.434.526	13.391.610	12.345.630	11.716.257
Người mua trả tiền trước	169.577	1.067.491	380.383	549.936	180.103
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	5.720.592	7.431.997	15.120.860	17.224.190	10.705.227
Phải trả người lao động	31.598.327	36.737.720	30.269.216	35.592.734	32.695.017
Chi phí phải trả	718.729	2.044.550	673.919	822.283	213.779
Doanh thu chưa thực hiện NH	-	-	-	121.200	-
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	45.931.507	46.203.542	3.116.197	3.632.236	3.517.423
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	37.597.577	38.249.761	14.520.582	14.907.838	11.937.337
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	4.414.763
N dài h n	90.769.898	91.719.918	77.570.006	78.825.999	78.527.987
Vay và nợ dài hạn	90.757.171	90.757.171	77.570.006	77.570.006	78.527.987
Phải trả dài hạn khác	-	847.000	-	118.560	-
Doanh thu chưa thực hiện	12.727	115.747	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	1.137.433	-
T ng c ng					

(Ngu n BCTC riêng và h p nh t ã ki m toán 2015, BCTC quý III n m 2016)

Chi tiết các khoản mục phải trả có giá trị lớn của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng tại thời điểm 30/09/2016, cụ thể như sau :

✚ Khoản phải trả người bán : Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đúng hạn.

n v tính : ng

STT	TÊN NHÀ CUNG C P	D N T I 30/09/2016	TH I H N THANH TOÁN	TI N TT N TH I I M HI N NAY
1	CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	7.347.003.004	30 ngày sau khi nhận chứng từ	Đã thanh toán 52% (Chưa hết hạn thanh toán)
2	CTCP Logistic Cảng Đà Nẵng	1.153.993.588	30 ngày sau khi nhận chứng từ	Đã thanh toán xong
3	CTCP Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel CN Đà	855.400.000	30 ngày sau khi nhận chứng từ	Đã thanh toán 92% (Chưa hết hạn)

	Năng			thanh toán)
4	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực V	826.235.622	30 ngày sau khi nhận chứng từ	Đã thanh toán xong
5	CTCP Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng	32.004.600	30 ngày sau khi nhận chứng từ	Đã thanh toán xong
6	Các nhà cung cấp khác	1.501.621.023	Theo từng Hợp đồng	Đã thanh toán 62% (Chưa hết hạn thanh toán)
	T NG C NG	11.716.257.837		

(Ngu n : Công ty c ph n C ng Ì N ng)

✚ Khoản phải trả người lao động :

n v tính : ng

STT	KHO N M C	D N T I 30/09/2016	TH I H N THANH TOÁN
1	Quỹ tiền lương và thưởng	32.092.987.399	Theo quy định
2	Giữa ca	602.030.347	Theo quy định
	T NG C NG	32.695.017.746	

(Ngu n : Công ty c ph n C ng Ì N ng)

✚ Khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác :

n v tính : ng

STT	KHO N M C	D N T I 30/09/2016	TI N TT N TH I I M HI N NAY
1	Kinh phí công đoàn	873.040.945	Chưa đến hạn thanh toán
2	Hỗ trợ ngừng sản xuất, ngừng việc cho người lao động	382.427.460	
3	Tiền hỗ trợ tháo dỡ, di dời	1.597.938.600	
4	Các khoản phải trả, phải nộp khác	664.016.717	
	T NG C NG	3.517.423.722	

(Ngu n : Công ty c ph n C ng Ì N ng)

✚ Các khoản đầu tư tài chính :

B ng 21 : Các kho n u t tài chính

n v tính: 1000 ng

Ch tiêu	31/12/2014		31/12/2015		30/9/2016
	Công ty m	H p nh t	Công ty m	H p nh t	
I. u t tài chính ng n h n	122.625.163	135.125.163	161.020.931	161.020.931	339.502.547

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122.625.163	135.125.163	161.020.931	161.020.931	339.502.547
II. u t tài chính dài h n	173.200.222	133.641.205	47.389.569	5.763.566	29.230.707
Đầu tư vào công ty con	39.939.448	-	41.626.003	-	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	125.808.949	126.189.380	-	-	26.849.943
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.451.825	7.451.825	7.264.334	7.264.334	3.764.334
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	(1.500.768)	(1.500.768)	(1.383.570)
T ng c ng	295.825.385	268.766.368	208.410.500	166.784.497	368.733.254

(Ngu n BCTC riêng và h p nh t ã ki m toán 2015, BCTC quý III n m 2016)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4-6 tháng tại các ngân hàng.

u t vào công ty con

VT: ng

Tên công ty	31/12/2014		31/12/2015	
	Giá g c	D phòng	Giá g c	D phòng
CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng	17.030.755.345	-	19.323.588.582	-
CTCP Xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng	5.340.083.156	-	5.332.162.904	-
CTCP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	17.568.609.405	-	16.970.251.247	-
T ng c ng	39.939.447.906	-	41.626.002.733	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2015 đã kiểm toán)

Trong năm 2016, Công ty đã thoái một phần vốn tại các công ty con là CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng và CTCP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng và thoái toàn bộ vốn tại CTCP Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng dưới hình thức bán cổ phần trên sàn chứng khoán và chào bán đấu giá; Công ty không còn công ty con, CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng và CTCP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng trở thành công ty liên kết.

u t vào công ty liên k t

n v tính: ng

Tên công ty	31/12/2014		31/12/2015		30/9/2016	
	Giá g c	D phòng	Giá g c	D phòng	Giá g c	D phòng
CTCP Cảng tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	125.808.948.908	-	-	-	-	-
CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng	-	-	-	-	16.667.791.902	
CTCP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	-	-	-	-	10.182.151.247	
T ng c ng	125.808.948.908	-	-	-	26.849.943.149	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC Quý III/2016)

Trong năm 2015, Công ty đã bán toàn bộ phần sở hữu của mình trong CTCP Cảng tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn trà cho Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam.

u t vào các công ty khác

n v tính: ng

Tên công ty	31/12/2014		31/12/2015		30/9/2016	
	Giá g c	D phòng	Giá g c	D phòng	Giá g c	D phòng
CTCP Vinalines Logistics Việt Nam	2.187.490.784	-	2.000.000.000	(480.000.000)	2.000.000.000	(420.000.000)
NH TMCP Hàng hải Việt Nam	1.764.334.000	-	1.764.334.000	(1.020.767.800)	1.764.334.000	(963.570.400)
Trường cao đẳng nghề hàng hải Vinalines	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-	-
T ng c ng	7.451.824.784	-	7.264.334.000	(1.500.767.800)	3.764.334.000	(1.383.570.400)

Nguồn: BCTC riêng năm 2015 đã kiểm toán, BCTC Quý III/2016

Trong năm 2016, công ty đã thu hồi khoản vốn góp vào trường cao đẳng nghề hàng hải Vinalines.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Bảng 22 : Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	VT	01/10/2013 đến 24/07/2014 Công ty m (Giai đoạn CT TNHH)	25/07/2014- 31/12/2014 (Giai đoạn CTCP)		Năm 2015	
			Công ty m	H p nh t	Công ty m	H p nh t
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ / Nợ ngắn hạn	Lần	1,78	1,67	1,84	5,00	4,86
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,75	1,62	1,78	4,92	4,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu v n:						
- Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,32	0,27	0,27	0,18	0,18
- Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,46	0,38	0,38	0,22	0,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:						
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	42,45	20,08	24,88	51,12	57,69
- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	vòng	63,61	21,1	34,3	46,34	35,78
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi:						
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	12,41	19,01	17,31	25,20	22,89
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) (*)	%	8,05	5,26	5,83	16,48	16,93
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	5,27	3,82	4,31	12,73	13,09
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	15,51	24,02	20,97	31,67	29,00

Nguồn: BCTC riêng giai đoạn 01/10/2013-24/7/2014 đã kiểm toán; BCTC riêng và hợp nhất giai đoạn 25/7/2014-31/12/2014 và năm 2015 đã kiểm toán

() Chỉ tiêu LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân theo BCTC hợp nhất: tính bằng lợi nhuận sau thuế các công ty m chia cho vốn chủ sở hữu bình quân (sau khi đã loại trừ lợi ích các công ty us).*

12 H i ng qu n tr , Ban giám c, Ban ki m soát và K toán tr ng**12.1 H i ng Qu n tr**

- | | |
|--------------------------------|---------------------|
| i. Chủ tịch Hội đồng quản trị: | Ông Nguyễn Thu |
| ii. Ủy viên Hội đồng quản trị: | Ông Nguyễn Hữu Sia |
| iii. Ủy viên Hội đồng quản trị | Ông Lê Quảng Đức |
| iv. Ủy viên Hội đồng quản trị | Ông Phan Bảo Lộc |
| v Ủy viên Hội đồng quản trị | Ông Lương Đình Minh |
| vi Ủy viên Hội đồng quản trị | Ông Trần Tuấn Hải |

12.2 Ban Ki m soát

- | | |
|---------------------------------|--------------------|
| i. Trưởng Ban kiểm soát : | Ông Trần Lê Tuấn |
| ii. Thành viên Ban kiểm soát : | Ông Lê Duy Dương |
| iii. Thành viên Ban kiểm soát : | Ông Nguyễn Đức Anh |

12.3 Ban T ng Giám c

- | | |
|--------------------------|--------------------|
| i. Tổng Giám đốc: | Ông Nguyễn Hữu Sia |
| ii. Phó Tổng Giám đốc: | Ông Lê Quảng Đức |
| iii. Phó Tổng Giám đốc : | Ông Dương Đức Xuân |


12.4 Tr ng phòng tài chính k toán

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| i. Trưởng phòng tài chính kế toán | Ông Nguyễn Ngọc Tâm |
|-----------------------------------|---------------------|

12.5 Lý l ch cá nhân các thành viên Ban lãnh o**🚩 Ch t ch H i ng qu n tr : Ông Nguy n Thu**

1. Họ và tên khai sinh : NGUYỄN THU
2. CMND/Hộ chiếu số : 200775813, cấp ngày: 14/06/2016, Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 10/11/1956
5. Nơi sinh : Xã Xuyên thọ, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 16 Đống Đa, phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
8. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí động lực
9. Quá trình công tác :

- Từ tháng 06/1974 đến tháng 11/1979: Phó BT LCD Cơ khí; tham gia X1,X2- Đại học Bách khoa TP HCM.
 - Từ tháng 01/1980 đến tháng 02/1983: Kỹ sư cơ khí; Bí thư CĐ Cơ khí - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 03/1983 đến tháng 12/1989 Phó xưởng cơ khí; Khu phó Tiên Sa, Trưởng phòng Vật tư; Bí thư chi bộ; Đảng ủy viên - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 01/1990 đến tháng 11/1994: Phó Giám đốc Cảng; Đảng ủy viên - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 12/1994 đến tháng 06/2001: Giám đốc; Bí thư Đảng ủy Cảng Đà Nẵng;
 - Từ tháng 07/2001 đến tháng 03/2008: Thành ủy viên; Đại biểu HĐND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Cảng Đà Nẵng;
 - Từ tháng 04/2008 đến tháng 06/2014: Thành ủy viên; Đại biểu HĐND thành phố Đà Nẵng; Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy Cảng Đà Nẵng - Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng;
 - Từ 01/2012 – Nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần tàu lai Cảng Đà Nẵng;
 - Từ tháng 07/2014 đến nay: Thành ủy viên; Chủ tịch HĐQT, Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Chủ tịch HĐQT.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Cty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng;
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 58.400 cổ phần, tỷ lệ 0,088%;
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ: 9.900.000 cổ phần, tỷ lệ 15% (đại diện cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam);
 - Số cổ phần của người có liên quan : Nguyễn Thị Lành, em gái nắm giữ 20.000 cổ phần, tỷ lệ : 0,03%
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng: không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

 y viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc : Ông Nguyễn Hữu Sĩ


1. Họ và tên khai sinh : NGUYỄN HỮU SIA
2. CMND/Hộ chiếu số : 200022373 cấp ngày: 14/02/2014 Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 01/01/1959.
5. Nơi sinh : Xã Điện Thắng Trung,H. Điện Bàn,Tỉnh Quảng Nam.
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 183/17 Phan Thanh, phường Thạc Gián , Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
8. Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính-Kế toán; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
9. Quá trình công tác :
 - Từ 1982 đến 1985: Nhân viên kế toán - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 1986 đến 1992: Phó Giám đốc XN Cảng Tiên Sa - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 1992 đến 2004: Phó phòng TC-KT, Kế toán trưởng - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 2004 đến tháng 03/2008: Phó Tổng Giám đốc - Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 04/2008 đến tháng 06/2014: Phó Tổng Giám đốc - Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 03/2009 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần logistics Cảng Đà Nẵng;
 - Từ tháng 07/2014 đến Nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Ủy viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Cty CP Logistics Cảng Đà Nẵng.
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Số cổ phần Cảng Đà Nẵng cá nhân nắm giữ: 33.200 cổ phần, tỷ lệ 0,05%
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ: 7.920.000 cổ phần, tỷ lệ 12% (cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)
 - Số cổ phần của người có liên quan; Phan Thị Kim Dung, vợ nắm giữ 20.600 cổ phần, tỷ lệ : 0,03%
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không

14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

✚ Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc : Ông Lê Quang Cường

1. Họ và tên khai sinh : LÊ QUANG ĐỨC
2. CMND/Hộ chiếu số : 200913678. cấp ngày: 13/04/2010 Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 10/08/1967
5. Nơi sinh : Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 207A/18 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính-Kế toán
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 11/1991 đến tháng 10/1994: Chuyên viên phòng Thuế CN-XD - Cục thuế Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.
 - Từ tháng 11/1994 đến tháng 02/1997: CV phòng KH-PH, Bí thư đoàn TN - CN NXB Giáo dục tại Đà Nẵng.
 - Từ tháng 10/2001 đến tháng 12/2002: Kế toán trưởng - XN in SGK Hòa Phát-CN NXB Giáo dục tại Đà Nẵng.
 - Từ tháng 01/2003 đến tháng 03/2004: Phó Giám đốc - XN in SGK Hòa Phát-CN NXB Giáo dục tại Đà Nẵng.
 - Từ tháng 04/2004 đến tháng 10/2004 UV HĐQT, Phó Giám đốc- Cty CP in SGK Hòa Phát- Nhà XB Giáo dục.
 - Từ tháng 11/2004 đến tháng 04/2006: PP Phụ trách phòng TC-KT - Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 05/2006 đến tháng 03/2008: Kế toán trưởng - Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 04/2008 đến tháng 01/2014: UV HĐQT, Kế toán trưởng- Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 03/2011 – 05/2016 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Cảng Đà Nẵng;
 - Từ 08/2011 – nay : Ủy viên BKS Công ty cổ phần vinalines logistics Việt Nam;

- Từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2014: UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng- Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 07/2014 đến Nay: UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Thành viên Hội đồng quản trị; Phó Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : UV BKS Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam.
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết :
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 45.900 cổ phần, tỷ lệ 0,069%
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ: 7.920.000 cổ phần, tỷ lệ 12% (đại diện cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)
 - Số cổ phần của người có liên quan : Lê Thị Minh Huệ - Em ruột nắm giữ 1.600 cổ phiếu, tỷ lệ 0,002% .
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

 **Y viên H i ng qu n tr : Ông Phan B o L c**

1. Họ và tên khai sinh : PHAN BẢO LỘC
2. CMND/Hộ chiếu số : 201464346 cấp ngày: 07/10/2010 Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 03/02/1982
5. Nơi sinh : Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 64 Trần Đức Thảo, Tổ 119, Phường Hòa Cường nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 01/2010 đến tháng 04/2012: Chuyên viên phòng Kế hoạch-Đầu tư - Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.

- Từ tháng 04/2012 đến tháng 12/2013: Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư - Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.
- Từ tháng 12/2013 đến tháng 06/2014: TV HĐQT, Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư - Cty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.
- Từ tháng 07/2014 đến 03/2016: TV HĐQT, Phó phòng Kế hoạch-Đầu tư - Cty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
- 04/2016 – nay : TV HĐQT, Trưởng phòng Kế hoạch-Đầu tư - Cty cổ phần Cảng Đà Nẵng.

10. Chức vụ công tác hiện nay tại TV HĐQT; Phó phòng kế hoạch-Đầu tư.

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.000 cổ phần, tỷ lệ 0,015%

- Số cổ phần Cảng Đà Nẵng được ủy quyền đại diện cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam: 7.920.000 cổ phần, tỷ lệ 12%


- Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, tỷ lệ : 0%

13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không

14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: theo quy định

15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không

16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

 **y viên H i ng qu n tr : Ông Tr n Tu n H i**

1. Họ và tên khai sinh : **TR N TU N H I**

2. CMND/Hộ chiếu số : 015672000049, cấp ngày: 23/03/2016 Nơi cấp: CA Hà Nội

3. Giới tính : Nam

4. Ngày tháng năm sinh : 06/11/1972

5. Nơi sinh : Yên Bái

6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam

7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số nhà 18 ngõ 87 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

9. Quá trình công tác :

- Từ tháng 01/1995 đến tháng 9/1997: Cán bộ Khoa Hàng hải Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 9/1997 đến tháng 10/1998: Cán bộ Trung tâm Huấn luyện thuyền viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 10/1998 đến tháng 9/2002: Sinh viên Trường Đại học Thương mại;
 - Từ tháng 9/2002 đến tháng 8/2008: Cán bộ Công ty Tư vấn Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 9/2008 đến tháng 3/2012: Trưởng Phòng Dự án Công ty Tư vấn Hàng hải - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 3/2012 đến tháng 3/2013: Cán bộ Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2014: Phó Trưởng Ban Đổi mới doanh nghiệp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 7/2014 đến tháng 12/2014: Phó trưởng ban phụ trách Ban Đổi mới doanh nghiệp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 12/2014 đến tháng 6/2015: Trưởng ban Đổi mới doanh nghiệp – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ 25/07/2014 – nay : Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 6/2015 đến nay: Trưởng ban Chiến lược phát triển và Truyền thông - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Ủy viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng ban Chiến lược phát triển và Truyền thông – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ: 7.920.000 cổ phiếu, tỷ lệ 12% (đại diện cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)
 - Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phiếu, tỷ lệ: 0%
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : Không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
Theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng: Không

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

✚ y viên H i ng qu n tr : Ông L ng ình Minh

1. Họ và tên khai sinh : L NG ÌNH MINH
2. CMND/Hộ chiếu số : B4124334 cấp ngày: 14/05/2010 Nơi cấp: CA.HN
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 01/01/1971
5. Nơi sinh : Hà Nội
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 107 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kế toán Quốc tế, Hội viên hiệp hội kế toán công chứng Úc (CPA Australia)
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 03/1997 đến tháng 08/2002: Chuyên viên Ban Tổ chức tiền lương, Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
 - Từ tháng 03/2002 đến tháng 03/2005: Phó phòng Kế toán Ban Tài chính Kế toán, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
 - Từ tháng 08/2002 đến tháng 05/2004: Phó phòng phụ trách Ban tài chính kế toán – Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ 05/2004 – 06/2012 : lần lượt giữ các chức vụ : Phó Trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Vận tải biển Vinalines; Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Liên doanh FORD Việt Nam
 - Từ tháng 03/2012 đến nay: Hội viên chính thức Hiệp hội Kế toán Công chứng Australia;
 - Từ tháng 06/2012 đến 05/2016: Lần lượt giữ các chức vụ: Phó trưởng ban Phụ trách, Quyền trưởng ban, Trưởng Ban Kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 05/2016 đến nay: Trưởng Ban Tài chính kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 04/2014 – 05/2016 : kiêm nhiệm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vinalines Logistics
 - Từ tháng 12/2015 đến nay: Kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng Quản trị - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ;
 - Từ 25/07/2014 – nay : Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng;

10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng : Ủy viên Hội đồng quản trị
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng ban tài chính kế toán- Tổng công ty hàng hải Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cảng Vinalines Đình Vũ;
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết
 - Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ: 7.920.000 cổ phần, tỷ lệ 12% (đại diện cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam)
 - Số cổ phần của người có liên quan : Không
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : Không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
Theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

 **Trình bày Ban kiểm soát : Ông Trần Lê Tuấn**

1. Họ và tên khai sinh : TRẦN LÊ TUẤN
2. CMND/Hộ chiếu số : 201293426 cấp ngày: 04/10/2012 Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 10/01/1973
5. Nơi sinh : Xã Quế Phong, Huyện Quế Sơn, Tỉnh Quảng Nam
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Tổ 119 phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 10/1999 đến 10/2000: Kế toán trưởng - Trung tâm Xuất nhập khẩu - Công ty XNK Nông sản thực phẩm TP Đà Nẵng
 - Từ tháng 09/2001 đến tháng 01/2004: Trưởng phòng Kế toán - Chi nhánh công ty Phát triển Kinh tế Kỹ thuật Việt Nam tại TP Đà Nẵng (thuộc Trung ương đoàn)
 - Từ tháng 02/2004 đến 03/2011: Trưởng Ban kế toán - Xí nghiệp công trình Cảng Đà Nẵng

- Từ tháng 04/2011 đến 04/2016: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng
- Từ tháng 04/2016 đến Nay: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

10. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Cảng Đà Nẵng: Trưởng Ban Kiểm Soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần, tỷ lệ 0%

- Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

- Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, tỷ lệ : 0%

13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không

14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
: Theo quy định

15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không

16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

 **Y viên Ban kiểm soát : Ông Lê Duy Dương**

1. Họ và tên khai sinh : LÊ DUY DƯƠNG

2. CMND/Hộ chiếu số : 013616629 cấp ngày:7/3/2013 Nơi cấp: CA Hà Nội

3. Giới tính : Nam

4. Ngày tháng năm sinh : 19/02/1979

5. Nơi sinh : Thanh Hóa

6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam

7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Phòng 108-T2, Ngõ 2, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

9. Quá trình công tác :

- Từ tháng 11/2000 đến tháng 8/2002: Chuyên viên Ban Tổ chức tiền lương, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Từ tháng 08/2000 đến tháng 1/2009: Chuyên viên ban quản lý các doanh nghiệp có vốn góp- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Từ tháng 01/2009 đến tháng 11/2010: Chuyên viên ban tài chính- Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Từ tháng 11/2010 đến tháng 08/2013: Phó phòng quản trị tài chính, ban Tài chính, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 08/2013 đến tháng 11/2013 : Chuyên viên cấp 1, ban Tài chính, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 11/2013 - 05/2014:Chuyên viên cấp 2, ban Tài chính và quản lý vốn góp, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 05/2014 – 06/2016 : Phó trưởng ban tài chính và quản lý vốn góp – Tổng công ty hàng hải Việt Nam;
 - Từ 06/2016 - đến nay: Phó trưởng ban, ban tài chính kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
 - Từ tháng 07/2014 – 04/2016 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng;
 - Từ tháng 04/2016 – nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 03/2015 - nay : Ủy viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
 - Từ 04/2016 - nay : Trưởng ban kiểm soát công ty CP Cảng Hải Phòng
 - Từ 05/2016 - nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty CP đầu tư thương mại Hàng hải Hải Phòng
 - Từ 04/2009 - nay : Thành viên ban kiểm soát công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines- Đông Đô.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Thành viên Ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Phó Trưởng ban tài chính kế toán Tổng công ty hàng hải Việt Nam
 - Ủy viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
 - Trưởng ban kiểm soát công ty CP Cảng Hải Phòng
 - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP đầu tư thương mại Hàng hải Hải Phòng
 - Thành viên ban kiểm soát công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines-Đông Đô.
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết
- Số cổ phần Cảng Đà Nẵng cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần
 - Số cổ phần Cảng Đà Nẵng được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, tỷ lệ: 0%

13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : Không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết :
Theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : Không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

 **y viên Ban kiểm soát : Ông Nguyễn Đức Anh**

1. Họ và tên khai sinh : NGUYỄN ĐỨC ANH
2. CMND/Hộ chiếu số : 200981383 cấp ngày:19/12/2007 Nơi cấp:CA Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 01/01/1964
5. Nơi sinh : Điện Quang- Điện Bàn- Quảng Nam
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 67 Lê Đình Thám - Quận Hải Châu- Thành phố Đà Nẵng
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 01/1984 đến tháng 10/1986: Giảng viên Trường nghiệp vụ Tài chính Tam Kỳ- Sở Tài chính vật giá Tỉnh QN- ĐN
 - Từ tháng 11/1986 đến tháng 9/1988: Kế toán viên X.N. kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp- Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 10/1988 đến tháng 06/1990: Kế toán trưởng X.N. Xếp dỡ Sông Hàn- Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 07/1990 đến tháng 04/1993: Kế toán tổng hợp X.N. Xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 05/1993 đến tháng 07/1997: Kế toán trưởng X.N. Xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 08/1997 đến tháng 05/2000: Trưởng ban kế toán X.N. Xếp dỡ Tiên Sa- Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 07/2000 đến 06/2008 : Trưởng ban kế toán X.N vận tải thủy bộ- Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 07/2008 đến tháng 01/2012: Kiểm soát viên kiêm Phó Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư Công ty THHH một thành viên Cảng Đà Nẵng
 - Từ tháng 02/2012 đến tháng 07/2014: Kiểm soát viên chuyên trách Công ty THHH một thành viên Cảng Đà Nẵng


- Từ 03/2011 – 05/2016 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Xây dựng và thương mại cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 07/2014 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát kiêm phó phòng Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Thành viên ban kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 25.000 cổ phần, tỷ lệ 0,038%
 - Số cổ phần Cảng Đà Nẵng được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : Không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : Theo quy định

15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng: Không

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

 **T ng giám c - Ông Nguyễn Hữu Sĩ: ã c trình bày trên**

 **Phó T ng giám c - Ông Lê Quang c: ã c trình bày trên**

 **Phó T ng giám c - Ông Dương Xuân**

1. Họ và tên khai sinh : DƯƠNG ĐỨC XUÂN
2. CMND/Hộ chiếu số : 201442091 cấp ngày: 11/06/2013 Nơi cấp: Đà Nẵng
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 28/08/1964
5. Nơi sinh : Thừa thiên - Huế
6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam
7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 106 Lê phụng Hiểu, thành phố Đà Nẵng
8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
9. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 04/1988 đến 1991: Chuyên viên V.phòng - XN cảng Tiên Sa - Cảng Đà Nẵng
 - Từ 1991 đến 1993: Phó kho hàng - XN Cảng Tiên Sa – Cảng Đà Nẵng

- Từ 1993 đến 2003: Trưởng ca sản xuất - Trung tâm khai thác cảng Đà Nẵng
- Từ 2004 đến 01/2016: Phó Giám đốc - XN cảng Tiên Sa -Cảng Đà Nẵng
- Từ 02/2016 đến 05/2016 : Giám đốc - XN cảng Tiên Sa -Cảng Đà Nẵng
- Từ 5/2016- đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

10. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Cảng Đà Nẵng: Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 10.100 cổ phần , tỷ lệ 0,015%

- Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần


- Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần, tỷ lệ : 0%

13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không

14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
: Theo quy định

15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không

16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

 **Trình bày phòng tài chính kế toán : Ông Nguyễn Ngọc Tâm**

1. Họ và tên khai sinh : NGUYỄN NGỌC TÂM

2. CMND/Hộ chiếu số : 201242822 cấp ngày: 28/04/2016 Nơi cấp: Đà Nẵng

3. Giới tính : Nam

4. Ngày tháng năm sinh : 30/04/1976

5. Nơi sinh : Đà Nẵng

6. Quốc tịch hiện nay : Việt Nam

7. Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 134/25 Núi Thành – P.Hòa Thuận Đông – Hải Châu - TP. Đà Nẵng.

8. Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính - kế toán.

9. Quá trình công tác :

- Từ tháng 01/2001 đến tháng 03/2008: Chuyên viên phòng tài chính - kế toán- Cảng Đà Nẵng.
- Từ tháng 04/2008 đến tháng 06/2014: Chuyên viên phòng tài chính - kế toán - Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.

- Từ tháng 07/2014 đến tháng 08/2015: Phó phòng tài chính - kế toán; Người được ủy quyền công bố thông tin - Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
 - Từ tháng 09/2015 đến 03/2016 : Phụ trách phòng tài chính - kế toán; Người được ủy quyền công bố thông tin - Cty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
 - Từ 04/2016 – nay : Trưởng phòng tài chính - kế toán; Người được ủy quyền công bố thông tin - Cty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
10. Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng: Trưởng phòng Tài Chính - Kế Toán; Người được ủy quyền công bố thông tin.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
12. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết
- Số cổ phần Cảng Đà Nẵng cá nhân nắm giữ: 2.700 cổ phần, tỷ lệ 0,004%
 - Số cổ phần Cảng Đà Nẵng được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần
 - Số cổ phần của người có liên quan : 0 cổ phần
13. Các khoản nợ đối với Cảng Đà Nẵng : không
14. Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết : Theo quy định
15. Lợi ích liên quan đối với Cảng Đà Nẵng : không
16. Hành vi vi phạm pháp luật : không

13 Tài s n

Tài s n c nh h u hình

B ng 23 : Tình hình tài s n c nh h u hình t i các th i i m 31/12/2015 và 30/09/2016

n v : 1.000 ng

Danh m c	T i 31/12/2015			T i 30/09/2016		
	Nguyên giá	Giá tr còn l i	Giá tr còn l i/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá tr còn l i	Giá tr còn l i/ Nguyên giá
Nhà cửa, VKT	610.325.474	225.126.885	36,89%	580.640.752	178.136.576	30,68%
Máy móc thiết bị	363.265.745	111.034.451	30,57%	360.091.233	75.087.600	20,85%
Phương tiện VT	172.682.810	50.218.661	29,08%	102.701.748	7.409.155	7,21%
Thiết bị, DCQL	9.710.864	1.186.387	12,22%	9.994.439	384.933	3,85%

TSCĐ khác	4.440.254	1.971.234	44,39%	2.469.499	6.229	0,25%
T ng c ng	1.160.425.147	389.537.618	33,57%	1.055.897.672	261.024.496	24,72%

(Ngu n : BCTC h p nh t ki m toán n m 2015, BCTC quý III n m 2016)

B ng 24 : M t s tài s n chính có giá tr l n (nguyên giá t 40 t ng tr lên) c a Công ty c ph n C ng à N ng

STT	Tên tài s n c nh	B ph n qu n lý	Nguyên giá (ng)
1.	Cầu tàu 1 Tiên Sa	Cảng Tiên Sa	67.875.932.959
2.	Cầu tàu 2 Tiên Sa	Cảng Tiên Sa	41.318.197.548
3.	Cầu tàu 3 Tiên Sa	Cảng Tiên Sa	292.786.304.398
4.	Bãi container	Cảng Tiên Sa	67.874.853.666
5.	Cần cầu bờ QCC	Cảng Tiên Sa	84.359.015.978

(Ngu n : Công ty c ph n C ng à N ng)

B ng 25 : Tài s n c nh vô hình t i các th i i m 31/12/2015 và 30/09/2016

n v : 1.000 ng

Danh m c	T i 31/12/2015			T i 30/09/2016		
	Nguyên giá	Giá tr còn l i	Giá tr còn l i / Nguyên giá	Nguyên giá	Giá tr còn l i	Giá tr còn l i / Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	108.478.093	108.478.093	100%	100.560.170	100.560.170	100%
Phần mềm máy tính	2.370.100	61.200	0,03%	2.692.900	217.111	8,06%
T ng c ng	110.848.193	108.539.293	97,92%	103.253.070	100.777.282	97,06%

(Ngu n : BCTC h p nh t ki m toán n m 2015, BCTC quý III n m)

B ng 26 : Chi phí xây d ng c b n d dang Công ty c ph n C ng à N ng

n v tính : 1.000 ng

STT	Tên công trình	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1.	Sửa chữa nhà kho số 3	1.072.991	-	-
2.	Xe nâng điện	1.177.663	-	-
3.	Dự án đầu tư cầu RTG	251.100	-	-
4.	Trung tâm logistics tại Hòa Vang	4.569.765	4.569.765	5.333.748
5.	Khảo sát lập hồ sơ di dời điện chiếu sáng, trạm cân	24.298	-	-
6.	Mua sắm tài sản cố định	29.090	-	-
7.	Chi phí thiết kế, thẩm định dự án đầu tư đóng mới tàu	370.000	-	-
8.	Dự án giai đoạn 2 Tiên Sa	-	898.344	6.761.423
9.	Dự án lắp đặt cầu tại bến 2	-	-	198.644
10.	Dự án kéo dài Cầu 3 Tiên Sa	-	-	650.072
11.	Dự án Đường riêng cho khách du lịch Tiên Sa	-	-	60.995
12.	Mua sắm và lắp đặt cầu khung bánh lốp	-	-	54.223.482
13.	Các khoản mục khác	-	129.058	109.970
	T NG C NG	7.494.909	5.597.167	67.338.335

(Ngu n : Công ty C ph n C ng à N ng)

14 K ho ch s n xu t kinh doanh, l i nhu n và c t c n m 2016**B ng 27 : K ho ch s n xu t kinh doanh, l i nhu n và c t c Công ty c ph n C ng à N ng**

Ch tiêu	n v	Th c hi n	K ho ch	
		N m 2015	N m 2016	+/- 2016/2015
		Giá trị	Giá trị	
T ng doanh thu	Tri u ng	527.193	521.000	- 1,17%
L i nhu n tr c thu	Tri u ng	153.382	140.000	- 8,7%

Ch tiêu	n v	Th c hi n	K ho ch	
		N m 2015	N m 2016	
		Giá trị	Giá trị	+/- 2016/2015
V n i u l	Tri u ng	660.000	660.000	-
T l LNTT/T ng doanh thu	%	29,09	26,87	-
T l LNTT/V n i u l	%	23,24	21,21	-
C t c	%	9	10	-

(Ngu n : Ngh quy t H C th ng niên n m 2016 Công ty c ph n C ng à N ng)
 (*): T ng Doanh thu: bao g m doanh thu kinh doanh (doanh thu thu n), Các kho n thu nh p khác (doanh thu ho t ng tài chính và doanh thu khác)

Trên tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng đã xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể như sau :

V K ho ch s n l ng:

Trên cơ sở năng lực bốc xếp hiện tại của Cảng Đà Nẵng đạt khoảng trên 5 triệu tấn/năm và đánh giá khả năng tăng trưởng sản lượng hàng hóa qua Cảng, với điều kiện kho bãi và mức độ cạnh tranh trong 05 năm tới, Cảng Đà Nẵng xây dựng kế hoạch tăng trưởng sản lượng bình quân năm trong giai đoạn 2014 – 2018 ở mức 10%, trong đó hàng container tăng trưởng 15%/năm. Bên cạnh hàng container, dịch vụ tàu khách cũng là hoạt động kinh doanh chiến lược của Công ty.

V K ho ch doanh thu:

Đối với hoạt động kinh doanh cơ bản: Với dự báo đơn giá hàng container có xu hướng giảm, từ mục tiêu kế hoạch sản lượng hàng hóa và dịch vụ tàu thông qua Cảng nêu trên, xét đến mức trượt giá hàng năm do ảnh hưởng của yếu tố lạm phát và khả năng khách hàng chấp nhận giá cước, Cảng Đà Nẵng đặt ra kế hoạch doanh thu hoạt động cơ bản tăng trưởng bình quân năm ở mức 10% trong giai đoạn 2015 – 2018 và đạt mức 600 tỷ đồng vào năm 2018.

Đối với hoạt động tài chính và hoạt động khác: Ngoại trừ các khoản hạch toán lãi chênh lệch tỷ giá đồng Yên Nhật thì doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong giai đoạn trước cổ phần hóa chủ yếu đến từ lãi tiền gửi, tiền cho vay và một phần cổ tức từ các công ty cổ phần góp vốn. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty và không phải hoạt động kinh doanh chính, do đó Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch doanh thu hoạt động tài chính dao động quanh mức 5% đến 7% sau cổ phần hóa, tương đương với 30 tỷ đồng mỗi năm.

V K ho ch chi phí:

Kế hoạch chi phí cho hoạt động kinh doanh được Công ty xây dựng trên cơ sở cơ cấu chi phí của giai đoạn trước cổ phần hóa, từ đó rà soát và điều chỉnh theo hướng hiệu

quả. Cụ thể: Giảm chi phí nhân công trong cơ cấu chi phí qua các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 (từ kế hoạch 30% cho năm 2014 giảm xuống còn 25% năm 2018).

Chi phí lãi vay được tính toán dựa trên các khoản vay nợ hiện tại và các khoản lãi vay phát sinh khi Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, thiết bị, đặc biệt đầu tư dự án mở rộng giai đoạn II Cảng Tiên Sa (dự kiến bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2018). Do đó, trong giai đoạn 2015 – 2018 các khoản chi phí bằng tiền và lãi vay chiếm khoảng 20 – 22% tổng chi phí của Công ty.

Ngoài hai nhóm chi phí trên, chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng trong khoảng 28 – 30% trong cơ cấu chi phí do Công ty tăng cường công tác đầu tư đầu tư xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa.

Ngoài ra, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khoảng 11 – 15% và chi phí mua ngoài chiếm tỷ trọng khoảng 4 – 6% trong cơ cấu chi phí kế hoạch giai đoạn 2014 – 2018 của Công ty.

V K ho ch l i nhu n và c t c:

Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2015 là 153,382 tỷ đồng, trong đó từ lãi từ hoạt động tài chính: 41,9 tỷ đồng (lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá..), lãi từ hoạt động khác 1,5 tỷ còn lại lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cơ bản là 109,9 tỷ, cổ tức chia năm 2015 là 9%. Năm 2016 kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 140 tỷ đồng, cổ tức dự kiến 10%. Ngoài ra, trong thời gian tới Cảng Đà Nẵng phải ưu tiên đầu tư để nâng cấp cơ sở hạ tầng và đổi mới trang thiết bị nên tỷ lệ lợi nhuận giữ lại lớn, trong khi đó công tác đầu tư chưa phát huy được hiệu quả trong ngắn hạn, vòng quay vốn thấp, không gian sản xuất hạn hẹp, mặt bằng kho bãi thiếu...Do đó, Công ty cũng phải sử dụng dịch vụ thuê ngoài nên làm gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến lợi nhuận, cổ tức của Công ty. Trong bối cảnh trên, Công ty vẫn đặt ra mục tiêu phấn đấu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đảm bảo sự gia tăng qua các năm.

Công ty định hướng trong chiến lược kinh doanh trong thời gian tới là từng bước hạ tỷ trọng hàng bao, phát triển mức độ hàng rời, hàng khô, tập trung vào hàng container, tàu khách du lịch và các dịch vụ tàu hàng khô trọng tải 50.000 tấn.

C n c t c k ho ch l i nhu n và c t c n m 2016

Từ định hướng chiến lược trên, Cảng Đà Nẵng xúc tiến công tác đầu tư cầu tàu và thiết bị theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Xác định mục tiêu sản lượng hàng hóa thông qua đến năm 2018 là 8.000.000 tấn, trong đó container đạt 400.000TEUs, tàu khách hàng năm từ 120 đến 130 lượt tàu.

nh h ng phát tri n th tr ng :

- ✓ Tập trung đẩy mạnh công tác bán hàng và marketing, quản trị quan hệ khách hàng nhằm nắm bắt thông tin để thu hút nguồn hàng, khách hàng về qua Cảng. Đồng thời tiếp tục tập trung vào nghiên cứu, tìm hiểu thị trường trong và ngoài nước, hướng mạnh vào thị trường Tây Nguyên và tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây.

Xác định vùng hậu phương của Cảng, tăng cường công tác nghiên cứu, khảo sát hàng hóa trên vùng hậu phương đồng thời với việc thực hiện nghiên cứu, khảo sát thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh để có dự báo hàng hóa trong các năm kế hoạch.

- ✓ Bên cạnh đó, Cảng Đà Nẵng xác định thị trường mục tiêu là hàng container, tàu khách và tàu có trọng tải lớn.
- ✓ Xây dựng các chính sách Marketing hỗn hợp (Marketing Mix), định hướng vào khách hàng như: Chính sách đa dạng dịch vụ, tăng số lượng dịch vụ cảng để khách hàng lựa chọn, thúc đẩy năng suất và nâng cao chất lượng dịch vụ, lắng nghe và chia sẻ lợi ích với khách hàng, thực hiện chính sách giá cước hợp lý với mức giá hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng khách hàng, mặt hàng, chiết khấu đối với các mặt hàng mới nhằm thu hút lượng hàng về qua Cảng.
- ✓ Xây dựng và quản trị tốt thương hiệu Cảng Đà Nẵng, thực hiện tốt công tác PR, tăng cường tham dự các hội nghị, hội thảo... nhằm quảng cáo quảng bá hình ảnh Cảng Đà Nẵng đến khách hàng và cộng đồng.

V công tác u t phát tri n:

- ✓ Tiếp tục đưa công nghệ thông tin vào quản lý và khai thác cảng. Hoàn thiện các phần mềm về khai thác container, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng container trong thời gian tới.
- ✓ Tiếp tục đầu tư thiết bị, phương tiện xếp dỡ bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu tăng trưởng hàng hóa qua Cảng; thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu. Đặc biệt chú trọng đầu tư thiết bị theo hướng dịch vụ container (đầu tư mới 01 cầu QC và 02 cầu RTG phục vụ cho xếp dỡ container)
- ✓ Thực hiện kế hoạch đầu tư mở rộng giai đoạn II Cảng Tiên Sa nhằm phục vụ cho hoạt động khai thác cảng và sự phát triển cho những năm tới cùng với việc phát huy lợi thế có được và đảm bảo sự cạnh tranh của các cảng trong khu vực; triển khai phương án đầu tư tối ưu để thực hiện giai đoạn II với 320 mét chiều dài cầu và khoảng 5 héc ta kho bãi nhằm nâng tổng công suất cầu, bến bãi Cảng Tiên Sa lên đến 9 triệu tấn hàng hóa thông qua cảng vào năm 2020, đáp ứng cho trường hợp quá tải và nhu cầu của tàu đến 50.000 DWT, tàu container đến 4000 teus và tàu khách đến 100.000 GRT. Tổng mức đầu tư phần 1 giai đoạn 2 Tiên Sa là 1070 tỷ đồng, dự kiến khởi công đầu năm 2016 và hoàn thành vào năm 2018.
- ✓ Quy hoạch lại bãi, di dời sản xuất dăm ra ngoài để tăng diện tích bãi, nâng cấp mặt bãi, tạo chân kê ở khu đã quy hoạch để chứa container, đồng thời đầu tư thiết bị chuyên dùng RTG (loại cầu khung) thích hợp để nâng công suất bãi chứa container.
- ✓ Đầu tư Trung tâm dịch vụ Logistics 20ha tại huyện Hòa Vang, là khu kho bãi hạ tầng Cảng.

- ✓ Thanh lý và thay thế, đổi mới những phương tiện thiết bị cũ, kém hiệu quả bằng những phương tiện thích hợp, cơ giới hóa lao động, nâng cao năng suất xếp dỡ.
- ✓ Thực hiện kế hoạch xin mở rộng về phía Nam (phần đất tiếp giáp bãi container thuộc Vùng III Hải quân đang quản lý) để tăng sức chứa bãi container hiện có, giảm thiểu chi phí đầu tư và kết hợp được thiết bị chuyên dùng xếp dỡ container đã được đầu tư phát huy hiệu quả công suất.

V công tác qu n tr n i b

- ✓ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp; Củng cố lại mô hình tổ chức sau cổ phần hóa cho phù hợp với tình hình kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp để phục vụ và phát huy tối đa khả năng của cán bộ trong công ty theo định hướng “Quản trị theo mục tiêu”.
- ✓ Bổ sung, điều chuyển lao động giữa các đơn vị phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của toàn công ty.
- ✓ Các đơn vị, phòng ban tập trung cao trong công tác sản xuất, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, có phương án tăng năng suất bốc xếp, tăng hiệu quả.
- ✓ Thuê tư vấn xây dựng phương án sắp xếp, cân đối điều chỉnh lao động phù hợp, mô tả công việc, bố trí chức danh, công tác đào tạo, đào tạo lại. Xây dựng quy chế lương thưởng phù hợp, công tác bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các cấp theo quy định.
- ✓ Rà soát lại công tác khoán chi phí, điều chỉnh cho phù hợp thực tế và triển khai thực hiện. Dự kiến trong năm 2015 sẽ thay đổi phương thức cho phù hợp và đảm bảo tiết kiệm chi phí.

K ho ch u t , d án:

Ngày 03/07/2015, bằng việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng đã thông qua dự án đầu tư, xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa giai đoạn II.

õD án u t xây d ng công trình nâng c p, m r ng C ng Tiên Sa, giai o n II, m t s thông tin chính nh sau :

- ✓ Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa (giai đoạn II).
- ✓ Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.
- ✓ Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng giai đoạn II của Cảng Tiên Sa nhằm đáp ứng được khối lượng hàng hóa thông qua theo các kịch bản dự báo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng và Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung giai đoạn đến năm 2020. Đồng thời, việc đầu tư dự án còn là nền tảng để Cảng Tiên Sa – Đà

Năng trở thành cảng container hiện đại trong khu vực, có khả năng tiếp nhận tàu container tải trọng đến 50.000DWT, tàu hàng tổng hợp đến 70.000 DWT và tàu khách tải trọng tới 100.000 GT phù hợp với xu thế phát triển của đội tàu hiện nay.

- ✓ Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.
- ✓ Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư 01 cầu cảng 50.000 DWT (tiếp nhận tàu container tải trọng đến 50.000DWT, tàu hàng tổng hợp đến 70.000 DWT và tàu khách tải trọng tới 100.000 GT) và 01 cầu cảng 20.000 DWT (tiếp nhận tàu hàng tổng hợp đến 20.000 DWT và tàu container có thông số tương đương) cùng với thiết bị và mạng kỹ thuật đồng bộ đảm bảo yêu cầu khai thác.
- ✓ Địa điểm xây dựng: Bến cảng Tiên Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- ✓ Diện tích sử dụng đất: 86.000 m².
- ✓ Thời gian thực hiện: Từ tháng 12/2014 đến tháng 6/2018
 - Chuẩn bị đầu tư: Xin chủ trương; Lập, thẩm định, phê duyệt dự án từ tháng 12/2014 đến 5/2015.
 - Thực hiện đầu tư: Thiết kế bản vẽ thi công, tổ chức lựa chọn nhà thầu, tổ chức thi công xây dựng từ tháng 6/2015 đến tháng 5/2018.
 - Kết thúc dự án: Công bố đưa cầu cảng vào khai thác tháng 6/2018.
- ✓ Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư của dự án trước thuế:	974.635.273 nghìn đồng
Tổng mức đầu tư của dự án sau thuế:	1.069.890.929 nghìn đồng
- ✓ Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư cho dự án (trước thuế) dự kiến là nguồn vốn tự có, vốn huy động và vốn vay có cơ cấu như sau:

 - Vốn tự có : 350 tỷ đồng, chiếm 35,9% tổng mức đầu tư.
 - Vốn vay : 300 tỷ đồng, chiếm 30,8% tổng mức đầu tư.
 - Vốn huy động : 325 tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng mức đầu tư.
- ✓ Tổng mức đầu tư của dự án là 1.069.890.929.000 đồng. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định đầu tư dự án. Hồ sơ dự án đã lập đáp ứng được yêu cầu của dự án đầu tư xây dựng công trình,

đủ điều kiện để được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 03/07/2015.

Ngày 31/7/2016, Công ty CP Cảng Đà Nẵng chính thức khởi công Dự án mở rộng cảng Tiên Sa giai đoạn 2, với mục tiêu đưa cảng này trở thành cảng container hiện đại trong khu vực, có khả năng tiếp nhận tàu container và tàu trọng tải lớn theo đúng định hướng đã đề ra.

ánh giá k t qu 9 tháng u n m 2016 so v i k ho ch n m 2016 :

- ✓ 09 tháng đầu năm 2016, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng Đà Nẵng đạt 5.362.638 tấn, tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, sản lượng khai thác hàng container 9 tháng đạt 233.485 TEUs, tăng hơn 22% so với cùng kỳ năm 2015. Tổng doanh thu của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng là 440.980 triệu đồng, đạt 84% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế là 122.034 triệu đồng, đạt 79,35% so với kế hoạch.
- ✓ Thời gian qua, hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp vùng hậu phương Cảng có những tăng trưởng đáng kể. Một số doanh nghiệp đang thực hiện mở rộng sản xuất, thiết lập nhà máy mới, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu... thúc đẩy sản lượng xuất nhập trong các ngành dệt may, giày da, ô tô, gạch men,... tăng khá.
- ✓ Những con số khả quan vừa kể trên có thể xem là tín hiệu tốt đẹp để Cảng Đà Nẵng tin tưởng, quyết tâm hơn vào khả năng đạt mục tiêu 7 triệu tấn hàng thông qua, sản lượng container 300.000 TEUs trong năm 2016 này. Để hoàn thành nhiệm vụ của năm, trong 03 tháng còn lại, Cảng Đà Nẵng gấp rút tăng cường công tác thị trường, khách hàng, có các chính sách phù hợp về giá, năng suất, chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng. Đồng thời, cần chú trọng tổ chức sản xuất hợp lý và thúc đẩy công tác đầu tư, mở rộng nhằm đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng cao.

15 ánh giá c a t ch c t v n v k ho ch l i nh u n và c t c

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.

Lợi thế nổi bật của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng là quá trình hình thành và phát triển công ty. Với bề dày 114 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Cảng biển, Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ, gắn bó lâu dài với

Cảng. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Đà Nẵng trước và sau cổ phần hóa tương đối ổn định. Hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2016 đã đạt được kết quả hết sức khả quan. Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế 09 tháng đầu năm 2016 đã đạt gần 80876% so với kế hoạch Ban tổng giám đốc xây dựng cho cả năm 2016. Bên cạnh đó, sự phát triển hạ tầng, quy mô, năng lực khai thác của cảng Đà Nẵng trong thời gian qua cho thấy chiến lược dài hạn hợp lý của Ban lãnh đạo Công ty. Cảng Đà Nẵng đã và đang đóng vai trò quan trọng, là nền tảng quyết định thúc đẩy tiến trình đưa Đà Nẵng sớm trở thành trung tâm logistics của khu vực.

Các nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và nếu không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty thì VCBS cho rằng các kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển mà Công ty đề ra trong năm 2016 là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức như kế hoạch.

VCBS lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

16 Thông tin v nh ng cam k t ch a th c hi n c a Công ty

Không có

17 Các thông tin, các tranh ch p ki n t ng liên quan n công ty mà có th nh h ng n giá c c phi u niêm y t

Không có

V C PHI U NIÊM Y T

1 Lo i c phi u

Cổ phiếu phổ thông Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng

2 M nh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

3 T ng s c phi u niêm y t

Tổng số cổ phần niêm yết : 66.000.000 cổ phiếu, tương ứng với giá trị theo mệnh giá: 660.000.000.000 đồng

4 S l ng c phi u b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a pháp lu t

- Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết như sau:

STT	H tên	Ch c v	S l ng c phi u s h u
1	Nguyễn Thu	Chủ tịch HĐQT	58.400
2	Nguyễn Hữu Sĩa	UV HĐQT, Tổng Giám đốc	33.200
3	Lê Quảng Đức	UV HĐQT, PTGD	45.900
4	Lương Đình Minh	UV HĐQT	0
5	Trần Tuấn Hải	UV HĐQT	0
6	Phan Bảo Lộc	UV HĐQT	10.000
7	Dương Đức Xuân	Phó Tổng Giám Đốc	10.100
8	Trần Lê Tuấn	Trưởng BKS	0
9	Lê Duy Dương	TV BKS	0
10	Nguyễn Đức Anh	TV BKS	25.000
11	Nguyễn Ngọc Tâm	KKT	2.700
	T ng c ng		185.300

Ngoài ra, căn cứ vào khoản 2a – Điều 48 – Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi. Tổng số cổ phần ưu đãi trên là 623.500 cổ phần. Thời hạn cam kết tối đa là làm việc trong 10 năm.

Căn cứ vào khoản 2c – Điều 36 – Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định cổ phần ưu đãi mua bằng quỹ công đoàn do tổ chức công đoàn nắm giữ không được chuyển nhượng và tại điểm 4 Điều 8 của Điều lệ Công ty. Số cổ phần hiện tại Công đoàn đang nắm giữ là 30.000 cổ phần.

5. Ph ng pháp tính giá

5.1 Giá tr s sách c phi u :

Giá tr s sách c a m t c phi u CDN c tính nh sau :

$$\begin{aligned} & \text{Giá số sách (công)} \\ & \text{(Theo BCTC riêng)} \\ & \text{Giá số sách cổ phần} \\ & \text{(Theo BCTC hợp nhất)} \end{aligned} = \frac{\begin{aligned} & \text{Vốn chủ sở hữu} \\ & \text{Vốn chủ sở hữu – Lợi ích của} \\ & \text{cổ đông thiểu số} \end{aligned}}{\begin{aligned} & \text{Tổng số cổ phiếu đang lưu} \\ & \text{hành} \\ & \text{Tổng số cổ phiếu đang lưu} \\ & \text{hành} \end{aligned}}$$

Ch tiêu	31/12/2015		30/9/2016
	Công ty m	H p nh t	
Giá tr s sách c phi u (ng/c phi u)	11.662	11.772	12.463

5.2 Xác nh giá c phi u trong ngày giao d ch u tiên :

Để xác định giá trị cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng, VCBS sẽ căn cứ vào *giá th tr ng c a Công ty t i th i i m chuy n sàn*, đồng thời sử dụng các phương pháp tính giá : (i) xác định theo giá trị sổ sách, (ii) phương pháp so sánh theo P/E và (iii) phương pháp so sánh theo P/B.

BV Được tính bằng tổng giá trị tài sản của công ty trừ đi khoản nợ phải trả bao gồm cả cổ phiếu ưu đãi, tương đương với phần vốn chủ sở hữu chia cho tổng số cổ phần đang lưu hành. Giá trị sổ

sách cho biết giá trị tài sản công ty còn lại thực sự là bao nhiêu nếu ngay lập tức công ty rút lui khỏi kinh doanh. Giá trị sổ sách là một thước đo chính xác giá trị kế toán của công ty, là yếu tố không biến đổi quá nhanh, tương đối ổn định, nên nó là số liệu thích hợp để phân tích cho các nhà đầu tư dài hạn.

P/E, PER

Là tỉ số giữa thị giá và thu nhập trên mỗi cổ phần phổ thông của một công ty có phát hành cổ phiếu trong một kỳ tính toán (thường là một năm). Hệ số P/E, về mặt lý thuyết, cho biết số tiền mà các nhà đầu tư sẵn sàng bỏ ra trả cho một đơn vị thu nhập trên một cổ phiếu đã/sẽ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định.

P/B hoặc P/BV

Là tỉ số giữa thị giá và giá trị sổ sách của mỗi cổ phần phổ thông của một công ty có phát hành cổ phiếu trong một kỳ tính toán (thường là một năm). Hệ số P/B có liên quan đến chỉ tiêu "giá trị sổ sách của cổ phiếu" – cho biết giá trị mà các cổ đông phổ thông nhận sẵn sàng bỏ ra cho một đơn vị giá trị có khả năng nhận được trong trường hợp công ty bị phá sản và các tài sản được thanh lý.

Chi tiết các phương pháp được trình bày cụ thể như sau :

(i) Phương pháp giá trị sổ sách (BV)

$$\text{Giá sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

(ii) Phương pháp so sánh theo P/E với các công ty cùng ngành

Giá cổ phiếu CDN được tính theo công thức sau :

$$P = \text{EPS} * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó :

- P : Giá cổ phiếu CDN theo phương pháp P/E
- EPS : Thu nhập bình quân trên một cổ phiếu của CDN
- P/E bình quân : là giá giao dịch trên thị trường chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành.

(iii) Phương pháp so sánh theo P/B với các công ty cùng ngành

Giá trị cổ phiếu CDN được tính theo công thức sau :

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó :

- P : Giá cổ phiếu CDN theo phương pháp P/B
- BVS : Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu của CDN
- P/B _{bình quân} : là giá giao dịch trên thị trường chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành.

Nguồn số liệu thu thập là :

- Báo cáo tài chính theo quý/năm của các công ty có liên quan tại website chính thức của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM;
- Giá giao dịch trên thị trường được lấy từ website chính thức của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
- Công ty dùng để so sánh là những Công ty có hoạt động kinh doanh dịch vụ trong ngành cảng biển, cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa, làm thủ tục hải quan, vận tải, lưu kho hàng hóa, phụ vụ hàng hóa cảng biển... tương đồng với Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng.

Tổng hợp kết quả :

- Các phương pháp P/E, P/B bình quân ngành được tính theo cách Average (trung bình), Median (trung bình vị), Harmonic (bình quân điều hòa).
- Giá trị thị trường hợp lý cổ phiếu CDN sẽ được tính theo bình quân các phương pháp hoặc trọng số theo tỷ lệ phù hợp.

Tóm lại, trên cơ sở kết hợp một số phương pháp định giá nêu trên và các phương pháp định giá phù hợp khác, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CDN sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6. Giá trị cổ phiếu CDN được tính theo công thức sau :

Sau khi đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 19/08/2015 về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện nay, theo danh sách chốt cổ đông ngày 07 tháng 09 năm 2016, Công ty cổ phần Cảng Đà

Những có 04 cổ đông nước ngoài (03 tổ chức và 01 cá nhân), chiếm 0,3% vốn điều lệ. Theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài áp dụng đối với một số ngành nghề của Công ty như kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa..... không giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Tuy nhiên, các ngành nghề như : Bốc xếp hàng hóa, Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết : Hỗ trợ, lai dắt tàu biển; thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa 49%.

Theo quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Khoản 2 – Điều 1 – Nghị định số 60/2015/NĐ – CP, tỷ lệ sở hữu ngoài của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng tối đa là 49%. Công ty cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định trên.

7. Các lo i thu có liên quan

7.1 Thu liên quan n ho t ng c a doanh nghi p

Thu giá tr gia t ng

- Bốc xếp, giao nhận, dẫn dắt tàu biển quốc tế... Áp dụng thuế suất 0% và áp dụng thuế suất 10% đối với dịch vụ tương ứng cho hoạt động trong nội địa.
- Dịch vụ cấp nước ngọt cho các tàu.. Áp dụng thuế suất 5%.
- Các dịch vụ hàng hải và dịch vụ khác ... Áp dụng thuế suất 10%.

Thu thu nh p doanh nghi p :

Công ty nộp thuế TNDN với mức thuế suất 22% theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013.

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

7.2 Thu liên quan n nhà u t , c ông c a Công ty

i v i nhà u t cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán), chọn 1 trong 2 cách :

+ Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

+ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

+ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Kỳ tính thuế:

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn.

Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

i v i nh à u t t ch c

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

+ Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

VI. CÁC I TÁC LIÊN QUAN T I VI C NIÊM Y T**1 T ch c t v n****CÔNG TY TNHH CH NG KHOÁN NH TMCP NGO I TH NG VI T NAM**

Tr s chính: Tầng 17, Toà cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Số điện thoại: ++84 04-3 9360261 Fax: ++84 04-3 9360262

Chi nhánh: Tầng 12, Số 135 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: ++84 0511-3 888991 Fax: ++84 0511-3888881

Chi nhánh: 70 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 Quận 3 TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại: ++84 08 38 208 116 Fax: ++84 08 38 208 116

2 T ch c ki m toán**CÔNG TY TNHH KPMG**

Trụ sở chính: Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: ++84 04-39461600 Fax: ++84 04-39461601

Website : www.kpmg.com

VII. PH L C

- 1. Ph l c I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2. Ph l c II:** Điều lệ Công ty;
- 3. Ph l c III :** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (Công ty mẹ và hợp nhất);
Báo cáo tài chính Quý III/2016.
- 4. Ph l c IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết

VII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 11 năm 2016

TỔ CHỨC NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THU

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HỮU SĨA

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ QUẢNG ĐỨC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

DƯƠNG ĐỨC XUÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN LÊ TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN NGỌC TÂM

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC VCBS – CN ĐÀ NẴNG



PHẠM KIM NGỌC